

Số: 02/BC-KTKH

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 14 tháng 02 năm 2023

BÁO CÁO

Về việc thực hiện kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ năm 2023 của Công ty cổ phần Sản xuất và Chế biến dầu khí Phú Mỹ

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty cổ phần Sản xuất và Chế biến dầu khí Phú Mỹ

Căn cứ Giấy phép kinh doanh số 3501741445 do Phòng Đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu lần 4 ngày 9/7/2020;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sản xuất và Chế biến dầu khí Phú Mỹ được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua ngày 23/4/2021;

Căn cứ vào tình hình kinh tế, chính sách quản lý của Nhà nước trong sản xuất và kinh doanh xăng dầu;

Căn cứ Nghị Quyết số 21/NQ-DKPM-ĐHĐCĐ ngày 08/04/2022 của ĐHĐCĐ Công ty cổ phần Sản xuất và Chế biến dầu khí Phú Mỹ;

Căn cứ tình hình sản xuất thực tế năm 2022, phương hướng; kế hoạch kinh doanh năm 2023 của Công ty;

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Sản xuất và Chế biến dầu khí Phú Mỹ báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tình hình hoạt động, kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 và kế hoạch sản xuất năm 2023 của Công ty như sau:

A. THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2022

I. Đặc điểm tình hình

- Năm 2022 là năm có nhiều biến động với hoạt động kinh doanh xăng dầu, do ảnh hưởng từ lạm phát kinh tế; bất ổn chính trị trên thế giới, bệnh dịch Covid 19 lan rộng trong đơn vị.
- Xu hướng của người tiêu dùng ngày càng sử dụng xăng RON 95.
- Nhưng với sự quan tâm; hỗ trợ từ Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP, sự chỉ đạo sát sao của Ban lãnh đạo Công ty và sự nỗ lực của toàn thể CBCNV trong mọi hoạt động sản xuất; gia công, PVOIL Phú Mỹ đã hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.
- Sản lượng sản xuất; gia công trong năm tăng mạnh so với các năm trước từ hoạt động pha chế xăng dầu cho đến hoạt động gia công Condensate.
- Công ty hiện có Phòng Hóa nghiệm đạt chuẩn Vilas, được đánh giá định kỳ và được trang bị đầy đủ máy móc thiết bị để thực hiện đánh giá chất lượng sản phẩm

đáp ứng yêu cầu nội bộ cũng như khách hàng bên ngoài một cách thuận lợi và nhanh chóng.

- Công ty nằm ở vị trí thuận lợi, gần các kho cảng xuất nhập hàng hóa như: PVGAS; PETEC là một lợi thế rất lớn trong công tác xuất nhập hàng hóa của đơn vị.
- Đời sống của CBCNV được cải thiện đáng kể do thu nhập tăng, CBCNV được tham gia đầy đủ các khóa học đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ giúp nâng cao năng lực trong công việc.
- Hoạt động đoàn thể được tổ chức phù hợp tạo môi trường thuận lợi thúc đẩy tinh thần đoàn kết trong hoạt động sản xuất.

Mặc dù hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm vẫn còn gặp nhiều khó khăn do tình hình lạm phát kinh tế và bất ổn chính trị trên thế giới, nhưng với sự quan tâm từ Lãnh đạo Tổng công ty; quyết tâm từ Ban lãnh đạo Công ty; sự đoàn kết của toàn thể CBCNV cùng với những thuận lợi từ yếu tố khách quan, đơn vị đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch trong năm cụ thể như sau:

II. Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2022

TT	Chỉ Tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	TH/KH (%)
1	Sản lượng sản xuất	m ³	375.000	475.651	126,8%
1.1	Sản lượng Dinh Cố nhẹ	-	50.000	2.930	5,9%
1.2	Sản lượng chạy thấp (NCS/TU/DC)	-	77.000	162.878	211,5%
1.3	Pha chế xăng, dầu: A91/A95/E5/DO	-	248.000	309.843	124,9%
2	Doanh thu	Tỷ đồng	62,550	91,265	145,9%
3	Giá vốn	Tỷ đồng	58,097	70,110	120,7%
4	LN gộp	Tỷ đồng	4,453	21,155	475,1%
5	Chi phí quản lý DN	Tỷ đồng	16,768	26,265	156,6%
6	Thu nhập TC	Tỷ đồng	20,299	23,107	113,8%
7	Thu nhập khác	Tỷ đồng	0,200	0,007	3,5%
8	Chi phí khác	Tỷ đồng	0,050	0,014	27,6%
9	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	8,134	17,989	221,2%
10	Thuế TNDN	Tỷ đồng	1,627	2,085	128,2%
11	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	6,507	15,904	244,4%
12	Đầu tư và mua sắm tài sản	Tỷ đồng	13,559	0,200	1,5%
13	Lao động bình quân	Người	119	112	94,1%

1. Công tác sản xuất

- Trong năm Công ty đã thực hiện gia công cho Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP với tổng sản lượng thực hiện là **475.651** m³ đạt 126,8% kế hoạch, trong đó:
 - + **Pha chế xăng A91/A95/E5 và DO: 309.843 m³ đạt 124,9% kế hoạch năm, trong năm thực hiện pha chế xăng A92/A95/E5/DO ở các địa điểm như Miền Đông, Nhà Bè, Đình Vũ, Thái Bình, Vũng Áng-**
 - + **Sản lượng chạy tháp: 162.878 m³ đạt 211,5% kế hoạch năm.**
 - + **Gia công Condensate Dinh Cố nhẹ: 2.930 m³ đạt 5,9% kế hoạch.**
 - + Trong năm lượng nguyên liệu tiết kiệm được so với định mức là 331m³, hoạt động chung cất; pha chế đảm bảo chất lượng đáp ứng tiêu chuẩn.
- 2. Công tác đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm thiết bị và duy tu sửa chữa**
 - **Công tác đầu tư xây dựng và mua sắm thiết bị**
 - + Trong năm vẫn đang thực hiện các thủ tục pháp lý và tìm kiếm nhà thầu để thực hiện Dự án “Đầu nối bổ sung đường ống xuất nhập ra cầu cảng PETEC Cái Mép” và mua sắm thiết bị.
 - **Công tác duy tu sửa chữa**
 - + Thực hiện duy tu sửa chữa trong năm với chi phí thực hiện là 11,7 tỷ đồng đạt 146,7% kế hoạch.
 - + Công tác duy tu sửa chữa được thực hiện tốt, đảm bảo hoạt động vận hành; sản xuất được liên tục; an toàn; hiệu quả.
- 3. Công tác tài chính**
 - Thực hiện tốt các quy định; quy chế về công tác tài chính, đảm bảo các nguyên tắc; chế độ tài chính kế toán hiện hành theo đúng các quy định của Nhà nước.
 - Cân đối và sử dụng vốn hiệu quả, không xảy ra tình trạng thất thoát vốn đầu tư.
 - Doanh thu thực hiện: 91,3 tỷ đồng đạt 145,9% kế hoạch.
 - Lợi nhuận trước thuế: 17,99 tỷ đồng đạt 221,2% kế hoạch.
 - Giá thành sản xuất thực hiện trong năm là 226 đồng/lít, giảm 4% so với kế hoạch.
- 4. Công tác tổ chức nhân sự, xây dựng hệ thống quản lý**
 - Lao động bình quân trong năm là 112 người đạt 94% kế hoạch.
 - Thu nhập bình quân từ lương của người lao động là 16,2 triệu đồng/ng/tháng đạt 135% kế hoạch, tổng thu nhập là 20,8 tr đồng/ng/tháng đạt 137% kế hoạch.
 - Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách cho CBCNV (BHYT, BHXH, BHTN,..) theo đúng quy định của pháp luật và Thỏa ước lao động tập thể của Công ty.
 - Duy trì tính hiệu lực Hệ thống quản lý tích hợp, nâng cao công tác quản lý điều hành Công ty.
 - Thực hiện đánh giá nội bộ, đánh giá giám sát Hệ thống quản lý tích hợp theo yêu cầu ISO 9001:2015; ISO 14001:2015; ISO 29001:2020 và ISO 45001-2018.

- Thực hiện đào tạo nội bộ theo kế hoạch và tham gia đầy đủ các khóa đào tạo chuyên môn nghiệp vụ do Tổng công ty Dầu Việt Nam -CTCP tổ chức.
- Thực hiện đầy đủ công tác an sinh xã hội, tổ chức các hoạt động đoàn thể nhằm nâng cao tinh thần đoàn kết cho CBCNV.

5. Công tác An toàn PCCN

- Trong năm không để xảy ra sự cố mất an toàn, đảm bảo an toàn về người và tài sản.
- Tổ chức cho CBCNV tham gia đầy đủ các khóa học, huấn luyện chuyên môn nghiệp vụ về công tác an toàn PCCN trong Công ty.
- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động trong công tác bảo hộ lao động, an toàn lao động theo đúng kế hoạch được giao.
- Thực hiện đề án 808 “Nâng cao chất lượng dịch vụ Kho xăng dầu” theo chương trình hành động của Tổng công ty Dầu Việt Nam trong toàn Công ty.
- Đáp ứng đầy đủ yêu cầu của các Đoàn kiểm tra về công tác PCCC & Cứu nạn cứu hộ của Bộ công an và công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

6. Công tác thử nghiệm

- Trong năm thực hiện 465 mẫu thử nghiệm cho Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP và khách hàng bên ngoài.
- Công tác sắp xếp, xử lý các mẫu xăng; dầu; phụ gia tại phòng lưu mẫu và kho chất chuẩn được duy trì và thực hiện thường xuyên.
- Thực hiện đánh giá giám sát tiêu chuẩn vilas hàng năm theo đúng kế hoạch.

III. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2022

- Năm 2022 đơn vị hoàn tốt các chỉ tiêu kế hoạch trong năm cụ thể như sau:
 - + Công tác quản lý chất lượng, hao hụt trong năm thực hiện tốt. Hàng hóa đảm bảo chất lượng theo đúng tiêu chuẩn, hao hụt thực hiện tại các công đoạn thấp hơn so với định mức, tổng lượng nguyên liệu tiết kiệm được là 331 m³.
 - + Sản lượng gia công chạy tháp trong năm đạt 111,5% so với kế hoạch.
 - + Gia công Condensate Dinh Cố nhẹ với sản lượng 2.930 m³, đạt 5,9% kế hoạch.
 - + Sản lượng pha chế xăng dầu trong năm vượt 24,9% so với kế hoạch.
 - + Thực hiện sắp xếp; chấn chỉnh công tác nhân sự phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh.
 - + Thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách, lương thưởng cho người lao động, đảm bảo thu nhập cho người lao động theo đúng quy định của Công ty và Pháp luật.
 - + Công tác an toàn được thực hiện tốt, không có bất kỳ sự cố mất an toàn nào xảy ra trong năm, đảm bảo an toàn người và tài sản.
 - + Cung cấp dịch vụ thử nghiệm cho các đơn vị trong Tổng công ty.

+ Thực hiện đề án 808 “Nâng cao chất lượng dịch vụ Kho xăng dầu” theo chương trình hành động của Tổng công ty Dầu Việt Nam và được đánh giá xếp loại khá, giỏi.

+ Nâng cao tinh thần đoàn kết, đảm bảo công tác an sinh xã hội cho người lao động.

IV. Tình hình thực hiện kiến nghị theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2022.

1. Đăng ký công ty Đại chúng

- Công ty đã hoàn thành bản công bố thông tin về công ty đại chúng, tập hợp đầy đủ hồ sơ để cung cấp cho UBCKNN.
- Ngày 20 tháng 02 năm 2023 Công ty đã ký công văn số: 76/DKPM “về việc đăng ký Công ty đại chúng” đính kèm bản công bố thông tin gửi UBCKNN để đăng ký trở thành công ty đại chúng theo đúng quy định của Pháp luật.

2. Công nợ phải thu với Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP.

- Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2022 của PVOIL Phú Mỹ các cổ đông tham gia đóng góp ý kiến kiến nghị liên quan đến khoản phải thu ngắn hạn của PVOIL. Ngày 28/7/2022 PVOIL đã có nghị quyết số 63/NQ-DVN về “*phương án xử lý khu đất 2,82ha tại khu Công nghiệp Cái Mép và một số vấn đề có liên quan đến PVOIL Phú Mỹ*” trong đó giao cho các bộ phận chuyên môn của PVOIL phối hợp với người đại diện phần vốn tại PVOIL Phú Mỹ đề xuất phương án xử lý công nợ. PVOIL Phú Mỹ đã có công văn số 553/DKPM-TCKT ngày 14/10/2022 gửi Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP về việc thanh toán công nợ của hợp đồng gia công, đến thời điểm 31/12/2022 khoản công nợ phải thu của PVOIL là: 400.155.533.930 đồng, tháng 01/2023 và tháng 01/2023 PVOIL đã chuyển trả cho PVOIL Phú Mỹ với số tiền là 72.618.769.133 đồng. Phần còn lại của công nợ phải thu PVOIL sẽ có kế hoạch chuyển trả dần cho PVOIL Phú Mỹ trong các tháng tiếp theo của năm 2023.

3. Xử lý dự án xây dựng cơ bản dở dang được nêu trong ý kiến ngoại trừ của báo cáo kiểm toán.

- Ngày 16/8/2022 ĐHĐCĐ đã có nghị quyết thông qua dừng thực hiện 02 dự án “*mở rộng kho chứa nhà máy chế biến Condensate*” và “*mở rộng và sử dụng hiệu quả nguyên liệu cho nhà máy chế biến Condensate*”. PVOIL đã có nghị quyết số 63/NQ-DVN về “*phương án xử lý khu đất 2,82ha tại khu Công nghiệp Cái Mép và một số vấn đề có liên quan đến PVOIL Phú Mỹ*”. Đến thời điểm hiện tại việc chuyển giao dự án đầu tư xây dựng cơ bản dở dang này vẫn phải chờ kết quả cuối cùng từ việc xử lý khu đất 2,82ha của PVOIL.

B. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023

I. Phương hướng

- Năm 2023 dự kiến tình hình kinh tế; chính trị thế giới còn nhiều bất ổn ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh xăng dầu của Tổng công ty và gián tiếp đến hoạt động sản xuất, gia công của Phú Mỹ.
- Trong năm, Công ty dự kiến vẫn tiếp tục thực hiện phương án gia công xăng dầu; Condensate cho Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP, sản lượng pha chế dự kiến tương đương so với thực hiện năm 2022. Với tình hình kinh tế, chính sách quản lý của Nhà nước và định hướng hoạt động kinh doanh xăng dầu của Tổng công ty trong năm 2023, Công ty dự kiến xây dựng phương hướng kế hoạch cho năm 2023 như sau:
 - Thực hiện gia công sản phẩm xăng A91/A95/E5 và DO với sản lượng: 311.800 m³
 - Gia công chạy tháp Condensate (TU/NCS/DC) với sản lượng: 159.000 m³
 - Tập trung thực hiện gia công hàng hóa cho Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP đảm bảo an toàn- chất lượng – hiệu quả.

II. Nhiệm vụ trọng tâm năm 2023

- Tập trung mọi hoạt động cho 2 lĩnh vực chính là chung cất và pha chế an toàn, liên tục, hiệu quả.
- Thực hiện đầu tư, xây dựng Dự án đã được duyệt đảm bảo an toàn, hiệu quả.
- Nâng cao tinh thần đoàn kết, tăng cường công tác an sinh cho người lao động để người lao động ổn định cuộc sống cùng Công ty và Tổng công ty hoàn thành tốt kế hoạch được giao;
- Thực hiện cải tiến và tăng cường công tác quản trị, duy trì tính hiệu lực của Hệ thống quản lý tích hợp;
- Chú trọng công tác đào tạo nội bộ, xây dựng đội ngũ CBCNV chuyên nghiệp có thể giải quyết được các vấn đề cần thiết giảm chi phí thuê ngoài.
- Công tác An toàn – PCCN luôn được đặt lên hàng đầu, đảm bảo an toàn cho người lao động và tài sản trong mọi hoạt động sản xuất.
- Thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong công tác đầu tư và hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Bảo toàn và đầu tư vốn hiệu quả tránh thất thoát, lãng phí.

III. Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2023

- Với tình hình kinh tế; chính trị; chính sách quản lý của Nhà nước và định hướng hoạt động kinh doanh xăng dầu của Tổng công ty trong năm 2023, Công ty đề ra phương hướng kế hoạch cho năm 2023 với chỉ tiêu kế hoạch được xây dựng dựa trên tình hình sản xuất kinh doanh thực hiện năm 2022, dự kiến đặc điểm tình hình kinh tế năm 2023 và năng lực sản xuất của Công ty.
- Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 đã được Công ty xây dựng và Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP chấp thuận cụ thể như sau:

- + Chỉ tiêu sản lượng được xây dựng trên tình hình chung của Tổng công ty, và năng lực sản xuất của Công ty;
- + Chỉ tiêu doanh thu mang tính tương đối dựa trên số liệu kế hoạch do còn phụ thuộc vào tình hình sản xuất trong năm;
- + Giá vốn được xây dựng phù hợp với quy mô sản xuất, sản lượng kế hoạch và theo quy định, định mức chung của Công ty;
- + Doanh thu tài chính và các thu nhập khác tạm tính dựa trên tình hình thực hiện năm 2022 và theo kế hoạch năm 2023.
- + Tiếp tục thực hiện Dự án “Đầu nối bổ sung đường ống xuất nhập ra cầu cảng PETEC Cái Mép” và mua sắm các thiết bị đã được Tổng công ty chấp thuận về mặt chủ trương.

*** Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2023**

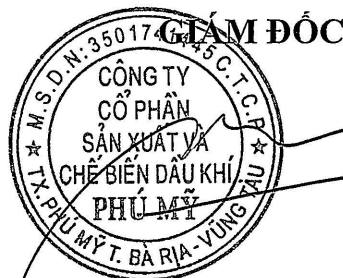
STT	Chỉ Tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm
1	Sản lượng sản xuất	M³	470.800
1.1	Sản lượng Dinh Cố	-	-
1.2	Sản lượng chạy thấp (NCS/TU/DC)	-	159.000
1.3	Sản lượng pha chế (A91/A95/E5/DO)	-	311.800
2	Doanh thu	Tỷ đồng	87,820
3	Giá vốn	Tỷ đồng	69,808
4	LN gộp	Tỷ đồng	18,012
5	Chi phí quản lý DN	Tỷ đồng	25,086
6	Thu nhập TC	Tỷ đồng	24,388
7	Thu nhập khác	Tỷ đồng	-
8	Chi phí khác	Tỷ đồng	-
9	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	17,314
10	Thuế TNDN (20%)	Tỷ đồng	3,463
11	Đầu tư và mua sắm tài sản	Tỷ đồng	3,300
12	Lao động bình quân	Người	119

(Theo QĐ số 42/QĐ-DVN ngày 12/01/2023 của Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP)

Trân trọng báo cáo!

Nơi nhận:

- Như trên;
- KSV (để biết);
- Lưu VT, KTKH, ĐTTM (01b)



Nguyễn Kim Ngọc

Số: 03 /BC-DKPM-HĐQT

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 24 tháng 02 năm 2023

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2022
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2023

Kính thưa Quý cổ đông

Thay mặt Hội đồng quản trị (HĐQT) tôi xin trình bày báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT năm 2022 và phương hướng hoạt động năm 2023 như sau:

I. Tình hình nhân sự:

Cơ cấu Hội đồng quản trị Công ty CP Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ trong năm 2022, cụ thể như sau:

1. Ông Ngô Đức Dũng - Q. Chủ tịch;
2. Ông Nguyễn Kim Ngọc - Thành viên HĐQT/kiêm giám đốc Công ty;
3. Ông Nguyễn Hải Nam - Thành viên HĐQT;
4. Bà Đào Hồng Ngọc - Thành viên HĐQT.

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2022

Hội đồng quản trị luôn bám sát việc thực hiện những nhiệm vụ, mục tiêu kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông năm 2022 đã thông qua tại Nghị quyết số 21/NQ-DKPM-ĐHĐCĐ ngày 08/4/2022.

2.1. Đánh giá thực hiện trách nhiệm của Hội đồng quản trị

Trong năm 2022, thực hiện quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Công ty đã tổ chức 04 cuộc họp HĐQT theo từng Quý và gửi phiếu xin ý kiến các thành viên HĐQT 03 lần (tháng 5, tháng 8 và tháng 11/2022).

Các cuộc họp HĐQT đã tập trung giải quyết các vấn đề trọng tâm như sau: Chỉ đạo thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2022; xây dựng và triển khai kế hoạch SXKD năm 2022; chỉ đạo công tác tổ chức cán bộ, xây dựng các giải pháp nhằm tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn...

Các Nghị quyết của HĐQT là những định hướng quan trọng giúp Ban Điều hành tổ chức thực hiện hoàn thành kế hoạch SXKD và các nhiệm vụ khác trong năm 2022 của Công ty.

Ngoài các phiên họp HĐQT, HĐQT đã thông qua các Quyết định theo phương thức lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để chỉ đạo, giải quyết các vấn đề liên quan đến các định hướng về quản trị doanh nghiệp và các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT, đồng thời chỉ đạo, quản lý giám sát hoạt động của Ban Điều hành trong việc thực thi các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT.

Các phiên họp của HĐQT đảm bảo đúng các quy định tại Luật doanh nghiệp và

Điều lệ Công ty cổ phần Sản xuất và Chế biến dầu khí Phú Mỹ. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đã được các thành viên dự họp thống nhất thông qua.

2.2. Chỉ đạo thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022

Hội đồng quản trị đã ban hành các Nghị quyết, Quyết định chỉ đạo và thực hiện đầy đủ nội dung Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022, cụ thể như sau:

- Các chỉ tiêu kế hoạch được duyệt đã hoàn thành xuất sắc;
- Sản lượng sản xuất; gia công trong năm tăng mạnh so với các năm trước từ hoạt động pha chế xăng dầu cho đến hoạt động gia công Condensate
- Phân chia lợi nhuận theo đúng Nghị quyết số 21/NQ-DKPM-ĐHĐCĐ ngày 08/4/2022 của ĐHĐCĐ năm 2022;
- Hoàn thành công tác thanh quyết toán thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát theo đúng Nghị quyết số 21/NQ-DKPM-ĐHĐCĐ ngày 08/4/2022 của ĐHĐCĐ năm 2022;
- Lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán An Việt thực hiện kiểm toán; soát xét Báo cáo tài chính và đã hoàn thành việc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022;
- Kết quả làm việc với đối tác để thực hiện chuyển nhượng Dự án dở dang trong năm 2022:

+ Ngày 16/8/2022 sau khi hoàn thành các thủ tục lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, HĐQT công ty thay mặt ĐHĐCĐ ban hành Nghị quyết số 50/NQ-DKPM-ĐHĐCĐ thông qua việc chấp thuận dừng thực hiện 02 dự án và hiện tại Công ty đang phối hợp các bên liên quan để xử lý phần đầu tư dở dang trên khu đất này.

- Về Đăng ký công ty Đại chúng

+ Công ty đã hoàn thành bản công bố thông tin về công ty đại chúng, tập hợp đầy đủ hồ sơ để cung cấp cho UBCKNN.

+ Ngày 20 tháng 02 năm 2023 Công ty đã ký công văn số: 76/DKPM “về việc đăng ký Công ty đại chúng” đính kèm bản công bố thông tin gửi UBCKNN để đăng ký trở thành công ty đại chúng theo đúng quy định của Pháp luật

2.3. Kết quả giám sát đối với Giám đốc và các thành viên trong Ban Giám đốc

HĐQT luôn theo dõi sát sao hoạt động của Giám đốc điều hành, giám sát, chỉ đạo cũng như kịp thời giải quyết những vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động điều hành của Giám đốc.

Trong năm 2022, Ban Điều hành đã hoàn thành tốt vai trò, nhiệm vụ điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty theo đúng Nghị quyết số 21/NQ-DKPM-ĐHĐCĐ ngày 08/4/2022 của ĐHĐCĐ năm 2022, định hướng, chỉ đạo của HĐQT. Giám đốc và các cán bộ quản lý đã triển khai đầy đủ và thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT. Trong quá trình điều hành, các thành viên Ban Điều hành đã tuân thủ theo đúng phân cấp, quy định tại Điều lệ, các quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

Ban Điều hành đã triển khai nhiều giải pháp đồng bộ, quyết liệt và kịp thời nhiều giải pháp kinh doanh/hỗ trợ kinh doanh phù hợp với chủ trương, định hướng của HĐQT và diễn biến thị trường, có vai trò quan trọng, quyết định đến việc hoàn thành các chỉ tiêu quan trọng mà Đại hội đồng cổ đông giao.

Đánh giá tổng thể, trong năm 2022, Ban Điều hành và cán bộ quản lý đã hoàn thành tốt, thực hiện có trách nhiệm và hiệu quả các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT.

Mặc dù hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm vẫn còn gặp nhiều khó khăn do tình hình lạm phát kinh tế và bất ổn chính trị trên thế giới, nhưng với sự quan tâm từ Lãnh đạo Tổng công ty; quyết tâm từ Ban lãnh đạo Công ty; sự đoàn kết của toàn thể CBCNV cùng với những thuận lợi từ yếu tố khách quan, đơn vị đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch trong năm 2022.

2.4. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2022

Trong năm 2022, Công ty đã đạt được kết quả với một số chỉ tiêu cơ bản, như sau:

TT	Chỉ Tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	TH/KH (%)
1	Sản lượng sản xuất	m ³	375.000	475.651	126,8%
1.1	Sản lượng Dinh Cố nhẹ	-	50.000	2.930	5,9%
1.2	Sản lượng chạy tháp (NCS/TU/DC)	-	77.000	162.878	211,5%
1.3	Pha chế xăng, dầu: A91/A95/E5/DO	-	248.000	309.843	124,9%
2	Doanh thu	Tỷ đồng	62,550	91,265	145,9%
3	Giá vốn	Tỷ đồng	58,097	70,110	120,7%
4	LN gộp	Tỷ đồng	4,453	21,155	475,1%
5	Chi phí quản lý DN	Tỷ đồng	16,768	26,265	156,6%
6	Thu nhập TC	Tỷ đồng	20,299	23,107	113,8%
7	Thu nhập khác	Tỷ đồng	0,200	0,007	3,5%
8	Chi phí khác	Tỷ đồng	0,050	0,014	27,6%
9	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	8,134	17,989	221,2%
10	Thuế TNDN	Tỷ đồng	1,627	2,085	128,2%
11	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	6,507	15,904	244,4%
12	Đầu tư và mua sắm tài sản	Tỷ đồng	13,559	0,200	1,5%
13	Lao động bình quân	Người	119	112	94,1%

III. NHIỆM VỤ VÀ CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2023

Với tình hình kinh tế; chính trị; chính sách quản lý của Nhà nước và định hướng hoạt động kinh doanh xăng dầu của Tổng công ty trong năm 2023, Công ty đề ra phương hướng kế hoạch cho năm 2023 với chỉ tiêu kế hoạch được xây dựng dựa trên tình hình sản xuất kinh doanh thực hiện năm 2022, đặc điểm tình hình kinh tế năm 2023 và năng lực sản xuất của Công ty.

Các nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 cụ thể như sau:

- Tổ chức sản xuất, vận hành an toàn, ổn định, pha chế xăng dầu theo đúng quy định, quy trình, đảm bảo chất lượng sản phẩm;
 - Thực hiện bảo trì, bảo dưỡng toàn diện hệ thống máy móc thiết bị công nghệ và xây lắp theo đúng quy định. Xem xét có thỏa thuận hợp tác với đơn vị cung cấp dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa chuyên nghiệp để kịp thời hỗ trợ Công ty trong trường hợp cần thiết, đảm bảo việc vận hành được ổn định, an toàn và hiệu quả nhất;
 - Tuân thủ tuyệt đối các quy định về an toàn – phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường, đảm bảo an toàn cho con người và tài sản trong hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - Rà soát, sửa đổi, cập nhật bổ sung, hoàn thiện các quy chế, quy trình quản lý nội bộ, đặc biệt là các quy trình kỹ thuật sản xuất của Công ty;
 - Tiếp tục hoàn thành việc đăng ký công ty cổ phần đại chúng;
 - Về công tác quản trị:
 - + Áp dụng có hiệu lực và hiệu quả Hệ thống quản lý tích hợp theo ISO 9001:2015; ISO/IEC 7025:2005; ISO 29001:2020 và ISO 45001:2018;
 - + Tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động của đơn vị, đảm bảo hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn; Kiểm soát chặt chẽ công nợ, không để phát sinh nợ xấu mới, xử lý dứt điểm để thu hồi nợ tồn đọng, khó đòi, đảm bảo tình hình tài chính lành mạnh và thực hiện đầy đủ các biện pháp quản trị rủi ro theo quy định.
- Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2023

STT	Chỉ Tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm
1	Sản lượng sản xuất	M ³	375.000
1.1	Sản lượng Dinh Cố	-	-
1.2	Sản lượng chạy tháp (NCS/TU/DC)	-	159.000
1.3	Sản lượng pha chế (A91/A95/E5/DO)	-	311.800
2	Doanh thu	Tỷ đồng	87,820
3	Giá vốn	Tỷ đồng	69,808
4	LN gộp	Tỷ đồng	18,012
5	Chi phí quản lý DN	Tỷ đồng	25,086
6	Thu nhập TC	Tỷ đồng	24,388
7	Thu nhập khác	Tỷ đồng	-
8	Chi phí khác	Tỷ đồng	-
9	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	17,314
10	Thuế TNDN (20%)	Tỷ đồng	3,463
11	Đầu tư và mua sắm tài sản	Tỷ đồng	3,300
12	Lao động bình quân	Người	119

(Theo QĐ số 42/QĐ-DVN ngày 12/01/2023 của Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP về việc chấp thuận kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 của PVOIL Phú Mỹ)

IV. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2023

Phát huy những kết quả đã đạt được trong năm 2022, năm 2023 HĐQT tiếp tục bám sát những quy định trong Điều lệ Công ty, Quy chế làm việc của HĐQT và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, HĐQT sẽ cùng với Ban điều hành và tập thể CBCNV nỗ lực phấn đấu trong công tác quản trị và điều hành doanh nghiệp, để hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao năm 2023 với kế hoạch, định hướng như sau:

- Thực hiện cải tiến, hoàn thiện hơn nữa công tác quản trị nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả điều hành để đạt được mục tiêu và kế hoạch sản xuất kinh doanh, khắc phục những điểm còn tồn tại, hạn chế, phát huy những ưu điểm đạt được. Xác định năm 2023 còn nhiều khó khăn và thách thức, Hội đồng quản trị cần tăng cường công tác quản trị rủi ro, giám sát, dự báo và ngăn ngừa, xử lý kịp thời vấn đề khó khăn phát sinh nhằm duy trì tốt hoạt động kinh doanh của Công ty;

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp thích hợp trong từng thời kỳ để tăng cường, bổ sung nguồn nhân lực, tăng cường quản lý đảm bảo bộ máy luôn năng động, hiệu quả, giảm thiểu rủi ro, áp dụng các biện pháp tài chính hợp lý, linh hoạt và chặt chẽ để đem lại hiệu quả cao trong sử dụng cơ sở vật chất và tiền vốn của Công ty;

- Không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị trên cơ sở tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật, điều lệ Công ty, tập trung chính vào thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị đối với Ban điều hành, cán bộ quản lý và các mặt hoạt động của Công ty;

- Duy trì họp HĐQT thường kỳ và đột xuất để giải quyết các vấn đề quan trọng và cần thiết, tạo điều kiện cho Công ty hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được giao;

- Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo Điều lệ Công ty và do Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền.

Trên đây là báo cáo tóm tắt tình hình hoạt động của HĐQT năm 2022 và phương hướng hoạt động chủ yếu năm 2023 kính đề nghị Đại hội cổ đông thông qua.

Chúc Quý cổ đông, Quý đại biểu sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

QUYỀN ĐIỀU HÀNH HĐQT



Ngô Đức Dũng

PHỤ LỤC

(Kèm theo Báo cáo số 03 /BC-DKPM-HĐQT ngày 24 /02 /2023 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sản xuất và Chế biến dầu khí Phú Mỹ)

a) Danh mục Nghị quyết:

Stt	Nghị quyết	Số Nghị quyết	Ngày ban hành	Nội dung chính
1	Nghị quyết họp HĐQT Quý IV/2021	10/NQ-DKPM-HĐQT	11/3/2022	- Ghi nhận kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh quý IV năm 2021 theo Báo cáo số 01/BC-DKPM ngày 23/02/2022; - Thông qua danh mục tài liệu trình ĐHĐCĐ và kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.
2	Nghị quyết họp HĐQT Quý I/2022	20/NQ-DKPM-HĐQT	08/4/2022	- Ghi nhận kết quả sản xuất kinh doanh UTH tháng 3 và quý I năm 2022 theo Công văn số 192/DKPM-KTKH ngày 08/4/2022 và sự nỗ lực của Ban điều hành cùng cán bộ nhân viên đã cố gắng hoàn thành vượt mức kế hoạch quý I/2022.
3	Nghị quyết về việc phê duyệt quyết toán quỹ lương thực hiện năm 2021	33/NQ-DKPM-HĐQT	31/5/2022	Phê duyệt quyết toán quỹ lương thực hiện năm 2021
4	Nghị quyết họp HĐQT Quý II/2022	42/NQ-DKPM-HĐQT	15/7/2022	- Ghi nhận Báo cáo số 09/BC-DKPM ngày 12/7/2022 về việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh quý II/2022; - Ghi nhận văn bản của Ban kiểm soát gửi đến Hội đồng quản trị một số ý kiến về công

Stt	Nghị quyết	Số Nghị quyết	Ngày ban hành	Nội dung chính
				<p>tác giám sát của Ban kiểm soát trong quý II/2022;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua chủ trương dừng dự án “Mở rộng kho chứa nhà máy chế biến Condensate và sử dụng có hiệu quả nhiên liệu Nhà máy chế biến Condensate” và chuyển giao khu đất 2,28ha cùng các hạng mục đã đầu tư trên đất; - Thống nhất việc dừng xây dựng Cửa hàng xăng dầu tại vị trí của Công ty do không đủ cơ sở pháp lý về quyền sử dụng đất.
5	<p>Nghị quyết về việc chấp thuận chủ trương dừng thực hiện 02 dự án: “Mở rộng kho chứa nhà máy chế biến Condensate” và “Mở rộng và sử dụng hiệu quả nguyên liệu cho nhà máy chế biến Condensate” và một số vấn đề liên quan đến Công ty cổ phần Sản xuất và Chế biến dầu khí Phú Mỹ</p>	<p>46/NQ-DKPM- HĐQT</p>	<p>03/8/2022</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Xin ý kiến Đại Hội đồng cổ đông bằng văn bản về việc chấp thuận chủ trương dừng thực hiện 02 dự án: “Mở rộng kho chứa nhà máy chế biến Condensate” và “Mở rộng và sử dụng hiệu quả nguyên liệu cho nhà máy chế biến condensate” của PVOIL Phú Mỹ đang tạm dừng triển khai thực hiện theo Nghị quyết số 03/NQ-DKPM-ĐHĐCĐ ngày 24/4/2014 và xử lý các tài sản liên quan đến các dự án đã đầu tư trên khu đất 2,82ha đảm bảo thu hồi vốn đã đầu tư theo đúng quy định của pháp luật; - Thống nhất ngày chốt danh sách cổ đông để gửi văn bản xin ý kiến về việc chấp thuận chủ trương dừng thực hiện 02 dự án là ngày



Stt	Nghị quyết	Số Nghị quyết	Ngày ban hành	Nội dung chính
				03/8/2022; - Thành lập Ban kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc chấp thuận chủ trương dùng thực hiện 02 dự án.
6	Nghị quyết họp HĐQT Quý III/2022	70/NQ-DKPM-HĐQT	27/10/2022	- Ghi nhận Báo cáo số 12/BC-DKPM ngày 19/10/2022 về việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh quý III năm 2022; - Ghi nhận văn bản số 10/DKPM-BKS ngày 25/10/2022 của Ban kiểm soát gửi đến Hội đồng quản trị một số ý kiến về công tác giám sát của Ban kiểm soát trong quý III năm 2022; - Ghi nhận Báo cáo số 13/BC-DKPM ngày 27/10/2022 về việc thực hiện một số vấn đề tồn đọng tại PVOIL Phú Mỹ.

b) Danh mục Quyết định:

Stt	Quyết định	Số Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung chính
1	Quyết định về việc thành lập Ban kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	46A/QĐ-DKPM-HĐQT	03/8/2022	Thành lập Ban kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
2	Quyết định về việc ban hành “Quy chế trả lương, trả thưởng” của Công ty cổ phần Sản xuất và Chế biến dầu khí Phú Mỹ	95/QĐ-DKPM-HĐQT	21/11/2022	Ban hành “Quy chế trả lương, trả thưởng” của Công ty cổ phần Sản xuất và Chế biến dầu khí Phú Mỹ

Số: 07/BC-DKPM-BKS

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 14 tháng 02 năm 2023

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2022
VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty cổ phần Sản xuất và Chế biến dầu khí Phú Mỹ

Căn cứ Điều lệ sửa đổi và bổ sung theo Nghị quyết số 46/NQ-DKPM-ĐHĐCĐ ngày 23/4/2021 của ĐHĐCĐ Công ty cổ phần Sản xuất và Chế biến dầu khí Phú Mỹ (Công ty);

Căn cứ chức năng nhiệm vụ Ban kiểm soát được quy định tại điều 170 Luật doanh nghiệp mới số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17/6/2020 có hiệu lực từ 1/1/2021 và Điều 41 Điều lệ sửa đổi và bổ sung của công ty;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Ban kiểm soát (BKS) Công ty PVOIL Phú Mỹ báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động năm 2022 bao gồm 3 nội dung chính như sau:

1. Tình hình hoạt động của Ban kiểm soát;
2. Kết quả giám sát các mặt hoạt động;
3. Kế hoạch hoạt động năm 2023 của Ban kiểm soát.

I. Tình hình hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2022

Ban kiểm soát Công ty gồm có 3 thành viên:

1. Ông Nguyễn Văn Tiến - Trưởng ban kiểm soát (chuyên trách);
2. Ông Nguyễn Anh Dũng - Thành viên (không chuyên trách);
3. Bà Hoàng Thị Thu - Thành viên (không chuyên trách)

Trong năm 2022, Ban kiểm soát tập trung thực hiện kiểm soát theo các nội dung chính, bao gồm:

- Giám sát hoạt động và việc tuân thủ quy định pháp luật và Điều lệ hoạt động đối với Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban giám đốc, Người quản lý khác trong việc điều hành quản lý Công ty;
- Xem xét tính tuân thủ, tính phù hợp của các nghị quyết, quyết định của Tổng công ty, của HĐQT Công ty, việc triển khai thực hiện nghị quyết của Đại hội

đồng cổ đông (ĐHĐCĐ), các quy chế, quy định, quyết định của HĐQT, của Ban giám đốc Công ty;

- Thực hiện thẩm tra soát xét báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty;
- Thống nhất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập là Công ty TNHH kiểm toán An Việt theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- Tham gia rà soát kiểm tra tính tuân thủ quy chế quy định các quy trình đấu thầu mua sắm trang thiết bị, tài sản...
- Tham gia tất cả các cuộc họp và giao ban của Ban giám đốc, ban điều hành và HĐQT Công ty;
- Tham gia hỗ trợ, tư vấn cho HĐQT và Ban giám đốc Công ty trong việc điều hành hoạt động Công ty như: Hoàn thiện các quy định, quy chế và Điều lệ hoạt động của Công ty, kế hoạch sản xuất kinh doanh;
- Các công việc khác theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

II. Đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng thành viên Ban kiểm soát

Ban kiểm soát đã phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên và phối hợp thực hiện tốt nhiệm vụ thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.

Ban kiểm soát Công ty đã tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao. Các thành viên đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông của Công ty. Mỗi thành viên được phân công chuyên trách một lĩnh vực có trách nhiệm giúp Trưởng ban kiểm soát tham mưu cho HĐQT, Ban Giám đốc về lĩnh vực được phân công. Hàng tháng, quý đều có văn bản báo cáo tình hình, kết quả kiểm soát về các mặt hoạt động của Công ty.

III. Giám sát các mặt hoạt động năm 2022

1. Về tổ chức bộ máy

Trong năm 2022 Công ty không có sự thay đổi về nhân sự HĐQT, HĐQT gồm 4 thành viên, được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua việc bầu thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020-2025, cụ thể như sau:

- a) Ông Ngô Đức Dũng, được PVOIL ủy quyền làm Người đại diện vốn của PVOIL tại PVOIL Phú Mỹ, đồng thời thực hiện quyền điều hành HĐQT Công ty cho đến khi có nhân sự mới giữ chức Chủ tịch HĐQT Công ty;
- b) Ông Nguyễn Hải Nam, được PVOIL ủy quyền làm Người đại diện vốn của PVOIL tại PVOIL Phú Mỹ, Thành viên HĐQT;
- c) Ông Nguyễn Kim Ngọc, được PVOIL ủy quyền làm Người đại diện vốn của PVOIL tại PVOIL Phú Mỹ, Thành viên HĐQT – Giám đốc Công ty;

d) Bà Đào Hồng Ngọc là Người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn góp của Oceanbank tại PVOIL Phú Mỹ, Thành viên HĐQT.

2. Về việc tuân thủ quy định pháp luật và Điều lệ hoạt động, Công tác quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và bộ máy quản lý Công ty

Qua công tác kiểm tra, giám sát Ban kiểm soát có ý kiến như sau:

- Hoạt động quản lý điều hành Công ty của HĐQT, Ban giám đốc nhìn chung đã tuân thủ điều lệ Công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT đã tổ chức các cuộc họp định kỳ để thống nhất một số nội dung quan trọng như: xem xét kết quả SXKD, lập kế hoạch và điều chỉnh kế hoạch SXKD. Ban kiểm soát ghi nhận HĐQT Công ty đã giám sát chặt chẽ hoạt động của Ban Giám đốc Công ty trong việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 và hoạch định kế hoạch cho năm 2023.
- Trong năm 2022 công ty đã ban hành bản sửa đổi, bổ sung “Điều lệ hoạt động” và “Thỏa ước lao động tập thể” của đơn vị để phù hợp với Luật doanh nghiệp mới và các quy định Nhà nước hiện hành. Năm 2022 công ty đã ban hành 6 Nghị quyết, 3 Quyết định ban hành Quy chế liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh và các công tác quản lý khác của Công ty. Các Nghị quyết, Quyết định của Công ty ban hành đã tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty. Tất cả đều được Ban điều hành đơn vị cùng toàn thể CBCNV đơn vị triển khai áp dụng và thực hiện một cách đầy đủ và đúng theo quy định.
- PVOIL Phú Mỹ đã đáp ứng đủ điều kiện quy định tại điểm a, Khoản 1, Điều 32 Luật chứng khoán số: 54/2019/QH14 do Quốc hội ban hành ngày 26/11/2019 và có hiệu lực thi hành từ 1/1/2021 để trở thành Công ty đại chúng. Hiện tại đơn vị đang hoàn thiện các thủ tục cần thiết để đăng ký công ty đại chúng với Ủy ban chứng khoán Nhà nước (Đã hoàn thành bản Công bố thông tin công ty đại chúng và Công văn gửi UBCK Nhà nước về việc đăng ký công ty đại chúng).
- **Kết quả làm việc với đối tác để thực hiện chuyển nhượng Dự án dở dang trong năm 2022:**

Theo kết quả đàm phán trong năm 2021 giữa Ban lãnh đạo PVOIL, HĐQT và Ban điều hành PVOil Phú Mỹ với PVGAS, đến 31/12/2021, hai bên đã đạt được thỏa thuận về việc PVOIL đồng ý chuyển nhượng quyền thuê khu đất 2,8ha (Hiện tại PVOIL là đơn vị đứng tên ký kết hợp đồng thuê khu đất với UBND Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu) và PVOil Phú Mỹ chuyển nhượng giá trị tài sản gắn liền trên đất (bao gồm các hạng mục XD/CB dở dang của 2 Dự án) cho PVGAS, thỏa thuận về kết quả thẩm định giá của đơn vị kiểm toán độc lập. (Căn cứ Báo cáo kết quả thẩm định giá số 009/TS.21PNVC ngày 12/10/2021 của PHUONG NAM V&C);

Ngày 16/8/2022 sau khi hoàn thành các thủ tục lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, HĐQT công ty thay mặt ĐHĐCĐ ban hành Nghị quyết số 50/NQ-DKPM-ĐHĐCĐ thông qua việc chấp thuận chủ trương dừng thực hiện 02 dự án.

Thực hiện Nghị quyết số 63/NQ-DVN ngày 28/7/2022 của HĐQT PVOIL; Công văn số 6699/DKVN-CNK&LHD ngày 17/11/2022 của PVN gửi PVOIL và PVGAS về việc PVN chấp thuận chủ trương : i)PVOIL tiến hành các thủ tục thanh lý hợp đồng thuê đất với UBND tỉnh BR-VT; ii) PVGAS thực hiện thủ tục để được tiếp tục sử dụng khu đất 2,82ha; iii)PVOIL và PVGAS phối hợp và làm việc với các cấp có thẩm quyền để hoàn thiện các thủ tục pháp lý liên quan. Hiện tại PVOIL đang phối hợp cùng PVGAS thực hiện các chỉ đạo của PVN;

Trong năm 2023, PVOIL và PVOIL Phú Mỹ tiếp tục phối hợp làm việc với PVGAS để sớm thống nhất chủ trương hợp tác giữa hai bên làm cơ sở triển khai thực hiện.

3. Về Báo cáo tài chính năm 2022:

3.1. Đánh giá chung

Qua thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính của Công ty, Ban kiểm soát có một số đánh giá chung như sau:

- Công tác tài chính kế toán cơ bản được thực hiện theo đúng quy định hiện hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về chế độ kế toán doanh nghiệp;
- Hệ thống chứng từ kế toán, sổ kế toán được lập, ghi chép và lưu trữ theo đúng quy định;
- Báo cáo tài chính năm 2022 bao gồm Bảng cân đối kế toán; Báo cáo Kết quả hoạt động SXKD; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính đã được Công ty lập theo quy định hiện hành;
- Về ý kiến kiểm toán ngoại trừ liên quan đến chi phí XD CB dở dang của 2 Dự án đã tạm dừng hoạt động: hiện đang được Công ty phản ánh trên khoản mục “Chi phí xây dựng cơ bản dở dang”:

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn		
- Dự án Mở rộng và sử dụng hiệu quả nguyên liệu cho nhà máy chế biến condensate;	1.357.299.999	1.357.299.999
- Dự án Mở rộng kho chứa nhà máy chế biến condensate;	<u>40.267.156.646</u>	<u>40.267.156.646</u>
	<u>41.624.456.645</u>	<u>41.624.456.645</u>

- Theo Quyết định số 18/QĐ-DKPM-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 12 năm 2011 của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ), Công ty đã quyết định tạm dừng việc xây dựng 2 Dự án nói trên và chính thức dừng thực hiện theo Nghị quyết số 50/NQ-DKPM-ĐHĐCĐ ngày 16/08/2022 của ĐHĐCĐ. Hiện tại, Công ty đang tìm kiếm đối tác để thực hiện chuyển nhượng. Tổng giá trị đầu tư ước tính của cả hai Dự án được định giá theo phương pháp chi phí thay thế tại thời điểm tháng 9/2021 là 30.600.602.654 (*Bảng chữ: Ba mươi tỷ sáu trăm triệu sáu trăm lẻ hai ngàn sáu trăm năm mươi bốn đồng*) theo chứng thư thẩm định giá phát hành ngày 12/10/2021 sẽ được Công ty sử dụng làm cơ sở đàm phán giá chuyển nhượng chi phí đầu tư của các Dự án. Tại thời điểm 31/12/2022, Ban Giám đốc Công ty chưa quyết định giá trị hợp lý của chi phí đầu tư các Dự án để đưa ra các điều chỉnh cần thiết đối với số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

3.2. Cơ cấu nguồn vốn Công ty

Vốn và cơ cấu vốn của các cổ đông đến ngày 31/12/2022, như sau:

Stt	Tên Cổ đông	Tỷ lệ %	Tổng vốn tham gia (ngàn đồng)	Số vốn đã góp (ngàn đồng)
1	Tổng công ty Dầu Việt Nam	67,64	338.188.000.000	338.188.000.000
2	NH Thương mại TNHH MTV Đại Dương (Ocean bank)	10,40	52.000.000.000	52.000.000.000
3	Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Đông Nam Á (Sea bank)	2,20	11.000.000.000	11.000.000.000
4	Cty CP Quản lý quỹ Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	0,62	3.127.270.000	3.127.270.000
5	Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (Petechim)	2,00	10.000.000.000	10.000.000.000
6	Công ty TNHH Phát triển DV TM Toàn Thắng	1,80	9.000.000.000	9.000.000.000
7	Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Quốc Tế Việt Nam (VIB)	8,00	40.000.000.000	40.000.000.000
8	HT Capital Co.Ltd	2,05	10.272.730.000	10.272.730.000
9	Quỹ Đầu tư Tài chính MKDS	0,55	2.780.000.000	2.780.000.000
10	Công ty CP Quản lý quỹ Leadvisors	1,60	8.000.000.000	8.000.000.000
11	Công ty CP Quản lý quỹ Đầu tư chứng khoán Thái Dương	0,60	3.000.000.000	3.000.000.000
12	Cổ đông cá nhân	2,53	12.632.000.000	12.632.000.000
	Tổng cộng	100	500.000.000.000	500.000.000.000

Tình hình sử dụng vốn đến ngày 31/12/2022

Xem trên bảng số liệu báo cáo tài chính ngày 31/12/2022

3.3. Tình hình hoạt động và kết quả kinh doanh năm 2022

a) Các số liệu tài chính kế toán của đơn vị trong năm 2022, cụ thể như sau:

Stt	Các chỉ tiêu chính	ĐVT	Số liệu 31/12/2022	Số liệu 1/1/2022
I	Tài sản ngắn hạn	Đồng	496.306.333.843	461.822.149.272
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	Đồng	12.628.980.219	4.989.474.798
	Đầu tư tài chính ngắn hạn	Đồng	72.110.000.000	58.010.000.000
2	Các khoản phải thu ngắn hạn	Đồng	409.289.896.366	398.342.090.176
4	Hàng tồn kho	Đồng	853.303.895	274.273.431
5	Tài sản ngắn hạn khác	Đồng	1.424.153.363	206.310.867
II	Tài sản dài hạn	Đồng	74.999.666.425	92.156.256.033
1	Tài sản cố định	Đồng	32.425.253.757	48.655.641.117
2	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	Đồng	41.624.456.645	41.624.456.645
3	TS dài hạn khác	Đồng	949.956.023	1.876.158.271
III	Nợ phải trả	Đồng	6.691.322.952	5.267.812.506
1	Nợ ngắn hạn	Đồng	6.691.322.952	5.267.812.506
IV	Vốn chủ sở hữu	Đồng	564.614.677.316	548.710.592.799
1	Vốn góp của chủ sở hữu	Đồng	500.000.000.000	500.000.000.000
2	Quỹ đầu tư phát triển	Đồng	22.883.498.026	22.883.498.026
3	LN sau thuế chưa phân phối	Đồng	41.731.179.290	25.827.094.773
	- LN sau thuế chưa phân phối đến cuối kỳ trước	Đồng	25.827.094.773	33.785.795.657
	- LN sau thuế chưa phân phối kỳ này	Đồng	15.904.084.517	(7.958.700.884)

b) Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	Tỷ lệ TH so với KH	Thực hiện năm 2021	Tỷ lệ TH năm 2022 so với năm 2021
1	Chỉ tiêu sản lượng	m ³ /tấn	375.000	475.651	126,8%	276.010	172,33%
1.1	Sản lượng Dinh Cỏ nhẹ	-	50.000	2.930	5,9%	69.065	4,24%
1.2	Sản lượng chạy tháp (NCS/TU/DC)	-	77.000	162.878	211,5%	832	
1.3	Pha chế xăng dầu: A91/A95/E5/DO	-	248.000	309.843	124,9%	206.113	150,32%
2	Các chỉ tiêu tài chính						
2.1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	62,550	91,265	145,9%	32,557	280,32%
2.2	Giá vốn	Tỷ đồng	58,097	70,110	120,7%	43,712	160,39%

2.3	Lãi gộp	Tỷ đồng	4,453	21,155	475,1%	(11,155)	
	Chi phí Qly DN	Tỷ đồng	16,768	26,265	156,6%	16,226	161,86%
2.4	Thu nhập tài chính	Tỷ đồng	20,299	23,107	113,8%	19,269	119,91%
2.8	Thu nhập khác	Tỷ đồng	0,200	0,007	3,5%	0,177	
2.9	Chi phí khác	Tỷ đồng	0,050	0,014	27,6%	0,024	
2.10	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	8,134	17,989	221,2%	(7,959)	
2.11	Thuế TNDN	Tỷ đồng	1,627	2,085	128,2%		
2.12	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	6,507	15,904	244,4%	(7,959)	
3	Công tác nhân sự						
1	Lao động	Người	119	112	94,%	112	100%
2	Thu nhập bình quân từ lương	Tr đ/ng/th	12	16,2	135%	11,9	105,3%
3	Tổng thu nhập bình quân	Tr đ/ng/th	15,2	20,8	137%	15,3	106,47%

- Chỉ tiêu sản lượng đạt 126,8% so với kế hoạch, giúp chỉ tiêu Doanh thu vượt 145,9% so kế hoạch năm. Trong đó sản lượng gia công pha chế đạt 124,9% so KH. Sản lượng Condensate Dinh Cố nhập pha chế ít (2.930m3, chỉ đạt 5,9% so với KH), không ảnh hưởng đến kế hoạch sản lượng do sản lượng gia công chạy thấp (mảng gia công đạt doanh thu chủ lực của đơn vị) vượt 211,5% so KH.
- Việc tăng chi phí QLDN phụ thuộc chủ yếu vào việc tập trung tăng cường các hoạt động phục vụ sản xuất gia công chế biến sản phẩm từ khối lượng sản lượng tăng so với kế hoạch, tổng chi phí QLDN năm 2022 là: 26,265 tỷ đồng, tương đương 156,6% kế hoạch chi phí năm. Tốc độ tăng chi phí tập trung vào một số khoản mục chi phí tăng như chi phí lương, các khoản thu nhập theo lương, chi phí bảo trì bảo dưỡng máy móc thiết bị vận hành, chi phí lễ tân, tiếp khách, hội nghị, chi phí công tác và đồng thời phát sinh chi phí công cụ dụng cụ - vật liệu, chi phí sử dụng thương hiệu của Tập đoàn...

4. Một số chỉ số tài chính chủ yếu:

STT	Chỉ số	Cách tính	Kết quả
1	Tỷ số thanh khoản nhanh =	$\frac{\text{Tài sản ngắn hạn (MS 100 BCĐKT)} - \text{Hàng tồn kho (MS 140 BCĐKT)}}{\text{Nợ ngắn hạn (MS 310 BCĐKT)}}$	74,04
2	Tỷ số thanh khoản hiện thời =	$\frac{\text{Tài sản ngắn hạn (MS 100 BCĐKT)}}{\text{Nợ ngắn hạn (MS 310 BCĐKT)}}$	74,17
3	Số vòng quay hàng tồn kho =	$\frac{\text{Doanh thu thuần (MS 10 BCKQKD)}}{\text{Bình quân Hàng tồn kho trong kỳ}}$	161,88
4	Số vòng quay khoản phải thu =	$\frac{\text{Doanh thu thuần (MS 10 BCKQKD)}}{\text{Bình quân Khoản phải thu trong kỳ}}$	0,23
5	Tỷ số nợ trên tổng tài sản = 100% x	$\frac{\text{Nợ phải trả (MS 300 BCĐKT)}}{\text{Tổng Tài sản (MS 270 BCĐKT)}}$	1.17%
6	Tỷ số nợ trên Vốn chủ sở hữu = 100% x	$\frac{\text{Nợ phải trả (MS 300 BCĐKT)}}{\text{Vốn chủ sở hữu (MS 410 BCĐKT)}}$	1.19%
7	Tỷ số ROA = 100% x	$\frac{\text{Lợi nhuận sau thuế (MS 60 BCKQKD)}}{\text{Bình quân Tổng Tài sản}}$	2.83%
8	Tỷ số ROE = 100% x	$\frac{\text{Lợi nhuận sau thuế (MS 60 BCKQKD)}}{\text{Bình quân Vốn cổ phần phổ thông}}$	2318%
9	EPS =	$\frac{\text{Thu nhập ròng - cổ tức cổ phiếu ưu đãi}}{\text{Lượng cổ phiếu bình quân đang lưu thông}}$	360

- Khách hàng của Công ty chủ yếu là các đơn vị trong cùng hệ thống PVOIL (cổ đông lớn của Công ty), nên không có khả năng xảy ra tình trạng không trả nợ hay xuất hiện tình trạng nợ khó đòi.
- Các chỉ số tài chính của công ty đều ở trong ngưỡng an toàn. Các hệ số về cơ cấu vốn, khả năng thanh toán cao... cho thấy đơn vị đang tự chủ về tài chính, tài sản được tài trợ chủ yếu bằng nguồn vốn chủ sở hữu.
- Số vòng quay khoản phải thu tăng so với năm 2021 (năm nay 0,23/năm trước 0,08) chủ yếu do doanh thu thuần năm 2022 tăng 280,32% so với năm 2021, mặc dù vậy số vòng quay vẫn thấp do khoản phải thu tiền mua hàng chậm trả của PVOIL cao (tại ngày 31/12/2022 còn phải thu 400,18 tỷ đ).

5. Phân bổ kết quả kinh doanh

Theo số liệu Báo cáo quyết toán tài chính năm đã được kiểm toán, tình hình phân bổ kết quả kinh doanh như sau:

- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN: **15.904.084.517 đồng;**

- Trích các quỹ : 4.256.021.129 đồng;
- Tổng LNST sau khi trích các quỹ : 11.648.063.388 đồng;
- Lợi nhuận năm trước còn lại chưa chia: 25.827.094.773 đồng
- Lợi nhuận dùng để chia cổ tức: 37.475.158.161 đồng
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm: 50.000.000;
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu: 360đ/CP.

6. Các số liệu khác liên quan

- Lao động tiền lương: Trong năm 2022, Công ty đã thực hiện đầy đủ chế độ cho Người lao động theo đúng quy định. Theo đó thu nhập bình quân từ lương của lao động là 16,2 triệu đồng/người/tháng, tổng thu nhập là 20,8 tr đồng/ng/tháng.
- Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách cho CBCNV (BHYT, BHXH, BHTN,) theo đúng quy định của pháp luật và Thỏa ước lao động tập thể của Công ty.

7. Công tác đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm trang thiết bị:

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Dự án	KH 2022 (Triệu đồng)		Giải ngân đến ngày 31/12/2022 (Triệu đồng)		Giá trị tài sản đã hình thành và đưa vào sử dụng (Triệu đồng)	
		Tổng giá trị	Vốn tự có (%)	Thực hiện trong kỳ	% TH/ KH 2021	Giá trị	% TH/ KH 2021
1	Đầu tư xây dựng cơ bản	Năm 2022 PVOIL Phú Mỹ không đầu tư XDCB					
2	Đầu tư và phát triển CHXD	Năm 2022 PVOIL Phú Mỹ không thực hiện					
3	Mua sắm tài sản	13.559	100%	0.200	1,5%	0.200	1,5%
4	Duy tu sửa chữa, thuê mua bằng chi phí SXKD	8.000		11.700	146%	11.700	146%
	Tổng cộng (1+2+3+4)	21.159		11.900	56,24%	11.900	56,24%

IV. Một số kiến nghị với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc

Từ công tác kiểm tra giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh, đánh giá tình hình hoạt động và kết quả tài chính năm 2022 của Công ty, Ban kiểm soát kiến nghị với Hội đồng quản trị và Ban giám đốc Công ty, như sau:

- Phòng Tài chính kế toán phối hợp Phòng Kỹ thuật công nghệ kiểm kê rà soát tình hình quản lý và sử dụng tài sản cố định, lập phương án thanh lý các loại tài sản đã hết khấu hao hoặc chưa hết khấu hao nhưng đã hư hỏng không còn sử dụng theo quy định hiện hành ;
- Năm 2023 tiếp tục hoàn tất việc xử lý chi phí tồn đọng theo ý kiến kiểm toán ngoại trừ trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán liên quan đến 2 dự án tạm dừng hoạt động: Dự án “Mở rộng kho chứa Nhà máy Chế biến Condensate” và

Dự án “Mở rộng và sử dụng hiệu quả nguyên liệu Nhà máy Chế biến Condensate” với số tiền là 41.624.456.645 VND, hiện đang được Công ty phản ánh trên khoản mục “Chi phí xây dựng cơ bản dở dang”;

- HĐQT và Ban điều hành công ty cần sớm xây dựng phương án sử dụng vốn hiệu quả nhằm khai thác, sử dụng nguồn vốn từ khoản nợ phải thu ngắn hạn (hiện tại PVOIL đang thực hiện việc trả lãi cho PVOIL Phú Mỹ theo lãi suất kỳ hạn 1 năm của Ngân hàng Vietcombank). Chủ động trong các hoạt động kinh doanh, cải thiện tình trạng tài chính cũng như đảm bảo quyền lợi cho cổ đông.
- Hoàn thiện ban hành các văn bản pháp lý, các quyết định, các nghị quyết, quy chế liên quan đến mọi hoạt động của Công ty.

V. Dự kiến kế hoạch hoạt động năm 2023 của Ban kiểm soát

- Kiểm tra soát xét báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính sau kiểm toán;
- Kiểm tra giám sát các hoạt động đầu tư, xây dựng, các dự án của Công ty;
- Giám sát việc chấp hành Điều lệ Công ty;
- Giám sát công tác kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 của Công ty;
- Kiểm tra định kỳ hàng quý và đột xuất liên quan đến công tác tổ chức, thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban giám đốc;
- Thu nhận các thông tin, trao đổi, giao tiếp với cổ đông và xử lý các vấn đề theo đề nghị của cổ đông;
- Tổ chức thẩm định Báo cáo tài chính quý, 6 tháng, năm cùng với việc kiểm tra, tổ chức thực hiện công tác tài chính kế toán và các công tác khác.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát về tình hình hoạt động năm 2022 và kế hoạch năm 2023.

Ban kiểm soát kính trình đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét, thông qua.

Trân trọng kính chào.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**



Nguyễn Văn Tiến

Số: 11 /TTr-DKPM-HĐQT

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 24 tháng 02 năm 2023

TỜ TRÌNH

**Về việc quyết toán thù lao năm 2022 và kế hoạch thù lao năm 2023
cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty cổ phần Sản xuất và Chế biến dầu khí Phú Mỹ

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội ban hành ngày 17/06/2020, có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sản xuất và Chế biến dầu khí Phú Mỹ được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 14/4/2016, được sửa đổi bổ sung ngày 23/4/2021;

Căn cứ Quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty cổ phần Sản xuất và Chế biến dầu khí Phú Mỹ ban hành theo Quyết định số 95/QĐ-DKPM-HĐQT ngày 21/11/2022;

Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-DKPM-ĐHĐCĐ ngày 08/04/2022 Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 Công ty cổ phần Sản xuất và Chế biến dầu khí Phú Mỹ;

Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông về thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty năm 2022 và phương án trả thù lao năm 2023, như sau:

STT	Họ tên	Chức danh	Tiền lương thực hiện năm 2022 (đồng/năm)	Tiền lương KH năm 2023 (đồng/năm)	Ghi chú
I. Cán bộ quản lý của Công ty					
1	Ông Nguyễn Kim Ngọc	Giám đốc	719.750.000	663.002.038	
2	Ông Nguyễn Văn Tiến	Trưởng Ban kiểm soát	441.054.594	411.536.723	
3	Ông Trần Đình Tuyên	Phó Giám đốc	520.662.958	484.176.389	
4	Ông Lương Trung Kiên	Kế toán trưởng	498.088.437	463.044.850	
II. Cán bộ quản lý của Công ty (không chuyên trách)					
1	Ông Ngô Đức Dũng	Quyền điều hành HĐQT	60.000.000	60.000.000	
2	Ông Nguyễn Hải Nam	Thành viên	48.000.000	48.000.000	



		HĐQT			
3	Bà Đào Hồng Ngọc	Thành viên HĐQT	48.000.000	48.000.000	
4	Ông Nguyễn Anh Dũng	Thành viên BKS	24.000.000	24.000.000	

➤ Phương án thù lao trả cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát (không chuyên trách) năm 2023 như sau:

Stt	Chức danh	Số lượng	Cơ chế hoạt động	Mức phụ cấp
1	Quyền điều hành HĐQT	01	Không chuyên trách	5.000.000đ/người/tháng
2	Thành viên Hội đồng quản trị	02	Không chuyên trách	4.000.000đ/người/tháng
3	Thành viên Hội đồng quản trị	01	Không chuyên trách	Hưởng lương theo Quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty
4	Trưởng Ban kiểm soát	01	Chuyên trách	Hưởng lương theo Quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty
5	Thành viên Ban kiểm soát	01	Phó phòng kinh tế kế hoạch	Hưởng lương theo Quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty
6	Thành viên Ban kiểm soát	01	Không chuyên trách	2.000.000đ/người/tháng

Tổng mức thù lao đề xuất phê duyệt chi trả cho Quyền điều hành Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không chuyên trách là: **180.000.000đ** (Một trăm tám mươi triệu đồng).

Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BKS (để biết);
- Lưu VT, TCKT, HTT (01b).



Ngô Đức Dũng

TỜ TRÌNH
Về việc phân chia lợi nhuận năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty cổ phần Sản xuất và Chế biến dầu khí Phú Mỹ

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sản xuất và Chế biến dầu khí Phú Mỹ (PVOIL Phú Mỹ) ban hành kèm theo Nghị quyết số 46/NQ-DKPM-ĐHĐCĐ ngày 23/4/2021 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Sản xuất và Chế biến dầu khí Phú Mỹ;

Căn cứ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty năm 2022;

Căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022 đã được kiểm toán, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sản xuất và Chế biến dầu khí Phú Mỹ kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông biểu quyết phương án phân chia lợi nhuận năm 2022 như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Tổng công ty phê duyệt	
		Tỷ lệ (%)	Giá trị (đồng)
1	Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN		15.904.084.517
2	Tổng LNST trước khi trích quỹ (2=1)	100%	15.904.084.517
3	Trích các quỹ		6.323.552.117
-	Quỹ phúc lợi (35% LNST)		5.566.429.581
-	Quỹ khen thưởng (3% LNST)		477.122.536
-	Quỹ thưởng Người quản lý		280.000.000
4	Tổng LNST sau khi trích các quỹ (4=2-3)		9.580.523.400
5	Lợi nhuận năm trước còn lại chưa chia		25.827.094.773
6	Lợi nhuận dùng để chia cổ tức (6=4+5)		35.407.627.173
7	Chi cổ tức năm 2022		10.000.000.000
8	LN chưa phân phối chuyển năm sau (8=6-7)		25.407.627.173

Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BKS (để biết);
- Lưu: VT, TCKT, HTT (01b).





TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CTCP
**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT
VÀ CHẾ BIẾN DẦU KHÍ PHÚ MỸ**
SẢN XUẤT VÀ
CHẾ BIẾN DẦU KHÍ
PHÚ MỸ
Tr-DKPM-BKS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 24 tháng 02 năm 2023

TỜ TRÌNH **Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2023**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty cổ phần Sản xuất và Chế biến dầu khí Phú Mỹ

Ban kiểm soát với sự thống nhất của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sản xuất và Chế biến dầu khí Phú Mỹ kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty cổ phần Sản xuất và Chế biến dầu khí Phú Mỹ với các nội dung như sau:

1. Các tiêu chí lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập

- Là một trong những đơn vị có kiểm toán uy tín, thương hiệu, được nhiều Công ty đại chúng tin cậy tại Việt Nam;
- Là Công ty hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận là đơn vị kiểm toán và định giá cho các Công ty đại chúng;
- Việc kiểm toán phải tuân theo chuẩn mực kế toán - kiểm toán Việt Nam (VAS);
- Có mức phí kiểm toán hợp lý phù hợp với chất lượng kiểm toán và phạm vi kiểm toán.

2. Danh sách các Công ty kiểm toán đề xuất

- Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam;
- Công ty TNHH Kiểm toán An Việt;
- Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế.

3. Đề xuất ĐHĐCĐ thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán

Với các đề xuất nêu trên, Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua:

- Các tiêu chí nêu tại mục 1 Tờ trình và danh sách 03 đơn vị kiểm toán độc lập nêu tại mục 2 Tờ trình này để làm căn cứ lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cung cấp dịch vụ kiểm toán và soát xét BCTC trong năm 2023 của Công ty.
- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định việc chọn một trong 03 Công ty kiểm toán độc lập theo đề xuất của Ban kiểm soát tại Tờ trình này và giao cho Giám đốc ký



hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán với Công ty kiểm toán độc lập được chọn được chọn để thực hiện kiểm toán và soát xét BCTC năm 2023 của Công ty.

Ban kiểm soát kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, BKS, NVT (01b)

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Văn Tiến



Số: 14 /TTr-DKPM-HĐQT

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 24 tháng 02 năm 2023

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty cổ phần Sản xuất và Chế biến dầu khí Phú Mỹ

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội ban hành ngày 17/06/2020, có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Sản xuất và Chế biến dầu khí Phú Mỹ (PVOIL Phú Mỹ) ban hành kèm theo Nghị quyết số 46/NQ-DKPM-ĐHĐCĐ ngày 23/4/2021 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Sản xuất và Chế biến dầu khí Phú Mỹ;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty đã được kiểm toán.

Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Sản xuất và Chế biến dầu khí Phú Mỹ kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt, trong đó có các chỉ tiêu chính như sau:

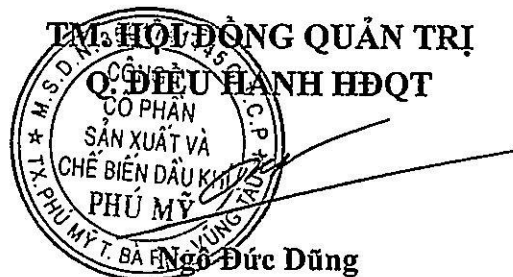
Stt	Chỉ tiêu	Giá trị (thời điểm 31/12/2022)
I	TỔNG TÀI SẢN	571.306.000.268
1	Tài sản ngắn hạn	496.306.333.843
2	Tài sản dài hạn	74.999.666.425
II	NGUỒN VỐN	571.306.000.268
1	Nợ phải trả	6.691.322.952
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	564.614.677.316
III	KẾT QUẢ KINH DOANH	
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	91.264.669.771
2	Giá vốn	70.110.368.808
3	Lợi nhuận trước thuế	17.989.825.510
4	Lợi nhuận sau thuế	15.904.084.517

Nội dung của Báo cáo tài chính năm 2022 được đính kèm theo Tờ trình này.

Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cổ đông của PVOIL Phú Mỹ;
- Lưu: VT, HĐQT, HTT (02).



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CHẾ BIẾN DẦU KHÍ PHÚ MỸ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bà Rịa - Vũng Tàu, tháng 02 năm 2023

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 24

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phụ Mỹ ("Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Ngô Đức Dũng	Quyền điều hành HĐQT
Ông Nguyễn Hải Nam	Thành viên
Ông Nguyễn Kim Ngọc	Thành viên
Bà Đào Hồng Ngọc	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Kim Ngọc	Giám đốc
Ông Trần Đình Tuyên	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và áp dụng kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Nguyễn Kim Ngọc
Giám đốc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 08 tháng 02 năm 2023

Số: **02/2023/BCKT-AVI-TC1****BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 08 tháng 02 năm 2023, từ trang 05 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Số dư khoản mục "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" của Công ty tại ngày 31/12/2022 là 41.624.456.645 đồng bao gồm chi phí xây dựng của các Dự án: Mở rộng kho chứa Nhà máy chế biến Condensate với số tiền 40.267.156.646 đồng và mở rộng và sử dụng hiệu quả nguyên liệu cho nhà máy chế biến Condensate với số tiền 1.357.299.999 đồng. Các Dự án nêu trên đã tạm dừng xây dựng từ năm 2011 và chính thức dừng thực hiện theo Nghị quyết số 50/NQ-DKPM-ĐHĐCĐ ngày 16/08/2022 của Đại hội đồng Cổ đông Công ty. Hiện tại, Công ty đang tìm kiếm đối tác để thực hiện chuyển nhượng các Dự án nói trên. Tại thời điểm 31/12/2022, Ban Giám đốc Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của chi phí đầu tư các Dự án nêu trên và đưa ra các điều chỉnh cần thiết. Ban Giám đốc Công ty đánh giá việc xác định giá trị hợp lý của các Dự án này phụ thuộc vào mức giá có thể chuyển nhượng cho đối tác, căn cứ vào mức độ kế thừa của chi phí đã đầu tư cho các Dự án. Chúng tôi không xác định được các điều chỉnh cần thiết liên quan đến số dư khoản mục "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" của các Dự án nêu trên tại ngày 31/12/2022 cũng như không đánh giá được ảnh hưởng của chúng đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Vũ Bình Minh
Tổng giám đốc
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 0034-2023-055-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT
Hà Nội, ngày 08 tháng 02 năm 2023

Đoàn Thu Hằng
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 1396-2023-055-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

MẪU SỐ B01 - DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		496.306.333.843	461.822.149.272
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	12.628.980.219	4.989.474.798
1. Tiền	111		3.628.980.219	1.989.474.798
2. Các khoản tương đương tiền	112		9.000.000.000	3.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		72.110.000.000	58.010.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	72.110.000.000	58.010.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		409.289.896.366	398.342.090.176
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	400.181.955.930	390.135.752.599
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	877.119.887	1.372.464.945
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	8.230.820.549	6.833.872.632
IV. Hàng tồn kho	140		853.303.895	274.273.431
1. Hàng tồn kho	141	11	853.303.895	274.273.431
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.424.153.363	206.310.867
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	1.424.153.363	105.005.793
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	-	101.305.074
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		74.999.666.425	92.156.256.033
I. Tài sản cố định	220		32.425.253.757	48.655.641.117
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	32.425.253.757	48.655.641.117
- Nguyên giá	222		379.398.146.317	378.322.666.317
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(346.972.892.560)	(329.667.025.200)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		41.624.456.645	41.624.456.645
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	41.624.456.645	41.624.456.645
III. Tài sản dài hạn khác	260		949.956.023	1.876.158.271
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	949.956.023	1.876.158.271
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		571.306.000.268	553.978.405.305

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

MẪU SỐ B01 - DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		6.691.322.952	5.267.812.506
I. Nợ ngắn hạn	310		6.691.322.952	5.267.812.506
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	2.614.224.040	2.697.021.618
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	1.172.097.890	1.362.506.323
3. Phải trả người lao động	314		2.029.397.730	577.977.148
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		316.485.975	80.000.000
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	550.904.545	535.594.645
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		8.212.772	14.712.772
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		564.614.677.316	548.710.592.799
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	564.614.677.316	548.710.592.799
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		500.000.000.000	500.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		500.000.000.000	500.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		22.883.498.026	22.883.498.026
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		41.731.179.290	25.827.094.773
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		25.827.094.773	33.785.795.657
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		15.904.084.517	(7.958.700.884)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		571.306.000.268	553.978.405.305

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 08 tháng 02 năm 2023

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc





Hoàng Thị Thu

Lương Trung Kiên

Nguyễn Kim Ngọc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

MẪU SỐ B02 - DN
Đơn vị tính: VND

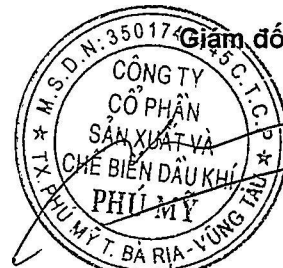
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	91.264.669.771	32.557.523.896
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		91.264.669.771	32.557.523.896
4. Giá vốn hàng bán	11	20	70.110.368.808	43.712.191.185
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		21.154.300.963	(11.154.667.289)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	23.107.318.633	19.268.544.328
7. Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	26.265.160.880	16.225.709.800
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		17.996.458.716	(8.111.832.761)
11. Thu nhập khác	31	23	7.258.972	176.820.038
12. Chi phí khác	32		13.892.178	23.688.161
13. Lợi nhuận khác	40		(6.633.206)	153.131.877
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		17.989.825.510	(7.958.700.884)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	2.085.740.993	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		15.904.084.517	(7.958.700.884)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	360	(159)

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 08 tháng 02 năm 2023

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Hoàng Thị Thu

Lương Trung Kiên

Nguyễn Kim Ngọc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

MẪU SỐ B03 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2022	Năm 2021
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	17.989.825.510	(7.958.700.884)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	17.447.367.360	18.482.134.792
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(3.849.024.315)	(3.448.982.375)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	31.588.168.555	7.074.451.533
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(10.620.945.147)	(6.440.166.616)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(579.030.464)	(76.838.125)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	678.973.137	(126.657.095)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(392.945.322)	(1.929.808.796)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.334.703.684)	(81.246.116)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(6.500.000)	(110.300.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	19.333.017.075	(1.690.565.215)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(1.216.980.000)	(3.321.922.455)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	(4.454.545)	169.015.272
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(20.000.000.000)	(30.110.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	5.900.000.000	20.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.627.922.891	3.250.231.870
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(11.693.511.654)	(10.012.675.313)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	7.639.505.421	(11.703.240.528)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4.989.474.798	16.692.715.326
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	12.628.980.219	4.989.474.798

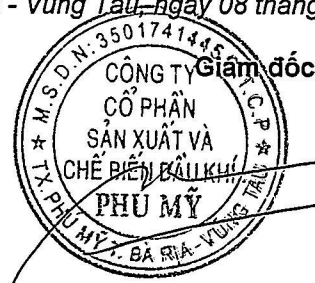
Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 08 tháng 02 năm 2023

Người lập

Hoàng Thị Thu

Kế toán trưởng

Lương Trung Kiên



Nguyễn Kim Ngọc

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ (gọi tắt "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 3501741445 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 30 tháng 11 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 09 tháng 07 năm 2020.

Vốn điều lệ của Công ty là 500.000.000.000 đồng tương ứng với 50.000.000 cổ phần, mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

Trụ sở chính của Công ty tại Khu công nghiệp Cái Mép, Phường Tân Phước, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Số lượng người lao động tại ngày 31/12/2022 là 115 người (tại ngày 31/12/2021 là 111 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm có liên quan;
- Bán lẻ xăng dầu và các sản phẩm có liên quan;
- Sản xuất và chế biến nhiên liệu và dung môi;
- Kinh doanh nhiên liệu sinh học (Ethanol fuel, Biodiesel);
- Thực hiện các hoạt động liên quan đến lĩnh vực sản xuất và kinh doanh nhiên liệu sinh học;
- Mua bán thiết bị, vật tư máy móc và dịch vụ thương mại;
- Mua bán phương tiện phục vụ công tác chế biến và kinh doanh sản phẩm dầu;
- Mua bán vật tư thiết bị, hóa chất trong lĩnh vực chế biến sản phẩm dầu;
- Xây dựng các hệ thống bồn chứa, phân phối và kinh doanh sản phẩm dầu;
- Kinh doanh vận tải xăng dầu và các sản phẩm từ dầu mỏ;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Cho thuê kho bãi và lưu giữ hàng hóa; và
- Kiểm tra phân tích kỹ thuật, dịch vụ thử nghiệm xăng dầu.

Hoạt động chính của công ty là gia công hàng hóa cho Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần (Công ty mẹ của Công ty) và cho thuê kho.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính; Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến lưu chuyển tiền tệ), theo nguyên tắc giá gốc, dựa trên giả thiết hoạt động liên tục.

4.2. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý. Trường hợp chưa có quy định về việc xác định lại giá trị hợp lý của các công cụ tài chính thì trình bày theo giá trị ghi sổ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán, nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Công ty chưa trình bày các thuyết minh liên quan đến công cụ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

4.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

4.5. Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo yêu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu của khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; các khoản đã chi hộ; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tài sản...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là phải thu dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu bên ngoài Tổng công ty đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

4.6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng tại ngày kết thúc niên độ kế toán, được trích lập phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

4.7. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, như:

- Thay đổi bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng; hoặc
- Cải tiến bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra; hoặc

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

- Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước.

Các chi phí phát sinh để sửa chữa, bảo dưỡng nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu, không thỏa mãn một trong các điều kiện trên, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

	Năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	07 - 25
Máy móc thiết bị	05 - 12
Phương tiện vận tải	08 - 10
Thiết bị quản lý	05

4.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc, phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Việc khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như đối với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.9. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: Phải trả về lãi vay; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; mượn tài sản; phải trả về tiền phạt, bồi thường; tài sản phát hiện thừa chưa rõ nguyên nhân; phải trả về các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn; các khoản nhận ký cược, ký quỹ...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là phải trả dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

4.10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán.

4.11. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu của dịch vụ trong từng kỳ thường được thực hiện theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành. Theo phương pháp này, doanh thu được ghi nhận trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ phần công việc đã hoàn thành. Phần công việc đã hoàn thành được xác định theo một trong ba phương pháp sau, tùy thuộc vào bản chất của dịch vụ:

- (a) Đánh giá phần công việc đã hoàn thành;
- (b) So sánh tỷ lệ (%) giữa khối lượng công việc đã hoàn thành với tổng khối lượng công việc phải hoàn thành;
- (c) Tỷ lệ (%) chi phí đã phát sinh so với tổng chi phí ước tính để hoàn thành toàn bộ giao dịch cung cấp dịch vụ.

Phần công việc đã hoàn thành không phụ thuộc vào các khoản thanh toán định kỳ hay các khoản ứng trước của khách hàng.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện bằng nhiều hoạt động khác nhau mà không tách biệt được và được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán nhất định thì doanh thu từng kỳ được ghi nhận theo phương pháp bình quân. Khi có một hoạt động cơ bản so với các hoạt động khác thì việc ghi nhận doanh thu được thực hiện theo hoạt động cơ bản đó.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: lãi tiền gửi; chiết khấu thanh toán;... Cụ thể như sau:

- (a) Tiền lãi được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ theo thông báo của tổ chức tín dụng.
- (b) Chiết khấu thanh toán được ghi nhận theo thông báo của bên nhận thanh toán (nhà cung cấp).

Thu nhập khác phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty, ngoài các khoản doanh thu nêu trên.

4.12. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm và số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước. Thu nhập thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Chi phí thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm. Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính, khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, đối với tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các thu nhập không chịu thuế hoặc chi phí không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định nghĩa vụ về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.13. Bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác (cùng thuộc Tổng công ty).

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Tiền mặt	342.209.504	214.155.800
Tiền gửi ngân hàng (*)	3.286.770.715	1.775.318.998
Các khoản tương đương tiền (**)	9.000.000.000	3.000.000.000
Cộng	<u>12.628.980.219</u>	<u>4.989.474.798</u>

(*) Tiền gửi ngân hàng bao gồm 167.815.193 VND tại Ngân hàng TMCP Đại Dương (nay là Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương) bị phong tỏa từ năm 2015 theo chỉ thị của Ngân hàng TMCP Đại Dương. Ban Giám đốc đánh giá và tin tưởng rằng khoản tiền gửi này sẽ thu hồi trong thời gian tới khi có quyết định chính thức từ phía Ngân hàng Nhà nước.

(**) Các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng tại Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu.

6. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng và kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Phải thu bên liên quan	400.181.955.930	390.026.071.752
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần	400.155.533.930	388.467.437.559
Chi nhánh Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Xí nghiệp Tổng kho Xăng dầu Miền Đông	22.642.000	48.345.000
Công ty Cổ phần Xăng Dầu khí Vũng Tàu	3.780.000	20.460.000
Công ty Cổ phần Lọc hóa Dầu Bình Sơn	-	1.159.499.193
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	-	330.330.000
Phải thu khách hàng khác	-	109.680.847
Cộng	<u>400.181.955.930</u>	<u>390.135.752.599</u>

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Công ty Cổ Phần thiết bị Dầu khí Bát Quang	293.838.000	-
Công Ty Cổ Phần Thiết Bị Và Kỹ Thuật Khánh Linh	134.001.120	-
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Toàn Thắng	-	882.218.370
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Quyết Toàn Thắng	112.964.500	112.964.500
Trả trước cho người bán khác	162.500.000	10.000.000
Trả trước cho người bán là bên liên quan	173.816.267	367.282.075
Công ty Bảo Hiểm PVI Vũng Tàu	173.816.267	367.282.075
Cộng	<u>877.119.887</u>	<u>1.372.464.945</u>

9. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu lãi trả chậm tiền hàng Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP (bên liên quan)	5.804.697.042	-	4.252.650.549	-
Lãi tiền gửi dự thu	1.949.623.507	-	1.728.522.083	-
Ký cược, ký quỹ	48.500.000	-	48.500.000	-
Tạm ứng	428.000.000	-	804.200.000	-
Cộng	8.230.820.549	-	6.833.872.632	-

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	1.424.153.363	105.005.793
Chi phí công cụ, dụng cụ	274.234.015	18.120.909
Chi phí bảo hiểm	74.146.498	86.884.884
Chi phí sửa chữa	1.075.772.850	-
Dài hạn	949.956.023	1.876.158.271
Chi phí công cụ, dụng cụ	214.543.594	402.714.395
Chi phí sửa chữa	732.542.258	1.468.547.709
Chi phí trả trước khác	2.870.171	4.896.167
Cộng	2.374.109.386	1.981.164.064

11. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	763.373.895	-	183.197.931	-
Công cụ, dụng cụ	89.930.000	-	91.075.500	-
Cộng	853.303.895	-	274.273.431	-

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Dự án Mở rộng và sử dụng hiệu quả nguyên liệu cho nhà máy chế biến Condensate	1.357.299.999	1.357.299.999
Dự án Mở rộng kho chứa nhà máy chế biến Condensate	40.267.156.646	40.267.156.646
Cộng	41.624.456.645	41.624.456.645

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CHẾ BIẾN DẦU KHÍ PHÚ MỸ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Dự án mở rộng kho chứa nhà máy chế biến Condensate và Dự án mở rộng và sử dụng hiệu quả nguyên liệu cho nhà máy chế biến Condensate được tạm dừng xây dựng từ năm 2011 và chính thức dừng thực hiện theo Nghị quyết số 50/NQ-DKPM-ĐHĐCĐ ngày 16/08/2022 của Đại hội đồng Cổ đông Công ty. Giá trị chi phí đầu tư của Dự án mở rộng kho chứa nhà máy chế biến Condensate bao gồm cả thuế giá trị gia tăng được ghi nhận theo Báo cáo quyết toán dự án ngừng thực hiện số 137/2013/AP-KP-XD ngày 17 tháng 12 năm 2013. Giá trị chi phí đầu tư của các Dự án đã được kiểm toán lại để phục vụ mục đích chuyển nhượng theo các Báo cáo kiểm toán số 97/2021/KT-AVI-XD và 98/2021/KT-AVI-XD ngày 27 tháng 10 năm 2021 về báo cáo quyết toán dự án ngừng thực hiện. Hiện tại, Công ty đang tìm kiếm đối tác có nhu cầu để thực hiện chuyển nhượng các Dự án đầu tư dở dang nêu trên. Do dự án đã dừng thực hiện nên giá trị hợp lý của chi phí đầu tư của các Dự án này phụ thuộc vào mức giá có thể chuyển nhượng cho đối tác, căn cứ vào mức độ kế thừa của chi phí đã đầu tư. Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của chi phí đầu tư các Dự án nêu trên. Do vậy, Công ty chưa xác định các bút toán điều chỉnh cần thiết đối với số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dung cụ quản lý	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYỄN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2022	172.545.887.793	195.892.647.614	9.742.540.001	141.590.909	378.322.666.317
Mua trong năm	327.500.000	719.080.000	-	170.400.000	1.216.980.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(141.500.000)	-	-	(141.500.000)
Tại ngày 31/12/2022	172.873.387.793	196.470.227.614	9.742.540.001	311.990.909	379.398.146.317
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2022	154.112.842.208	168.025.919.814	7.388.835.724	139.427.454	329.667.025.200
Khấu hao trong năm	7.753.010.439	9.411.989.318	267.150.630	15.216.973	17.447.367.360
Thanh lý, nhượng bán	-	(141.500.000)	-	-	(141.500.000)
Tại ngày 31/12/2022	161.865.852.647	177.296.409.132	7.655.986.354	154.644.427	346.972.892.560
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2022	18.433.045.585	27.866.727.800	2.353.704.277	2.163.455	48.655.641.117
Tại ngày 31/12/2022	11.007.535.146	19.173.818.482	2.086.553.647	157.346.482	32.425.253.757
Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao còn sử dụng	137.633.471.512	149.323.694.867	7.294.594.546	141.590.909	294.393.351.834



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CHẾ BIẾN DẦU KHÍ PHÚ MỸ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2022	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2022
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1.362.506.323	5.866.265.165	6.863.011.205	365.760.283
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(13.689.346)	2.085.740.993	1.334.703.684	737.347.963
Thuế thu nhập cá nhân	(87.615.728)	599.597.429	442.992.057	68.989.644
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	1.261.201.249	8.554.603.587	8.643.706.946	1.172.097.890
Trong đó:				
- Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	101.305.074			-
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.362.506.323			1.172.097.890

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả bên liên quan	2.051.104.059	2.051.104.059	620.410.187	620.410.187
Tổng công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần	561.340.800	561.340.800	31.204.320	31.204.320
Công ty Cổ phần Xăng Dầu khí Vũng Tàu	828.262.350	828.262.350	133.230.440	133.230.440
Chi nhánh Tổng công ty khí Việt Nam - CTCP - Công ty Chế biến Khí Vũng Tàu	588.337.249	588.337.249	300.233.265	300.233.265
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	52.595.400	52.595.400	-	-
Chi nhánh Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP - Xí nghiệp tổng kho Xăng dầu Đình Vũ	18.781.200	18.781.200	1.254.000	1.254.000
Công ty Cổ phần Xăng Dầu khí Thái Bình	1.787.060	1.787.060	28.292.330	28.292.330
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Biển PVD	-	-	126.195.832	126.195.832
Phải trả người bán khác	563.119.981	563.119.981	2.076.611.431	2.076.611.431
Công ty TNHH Thiết bị Công nghiệp Trường Minh	192.888.000	192.888.000	1.155.000.000	1.155.000.000
Các đối tượng khác	370.231.981	370.231.981	921.611.431	921.611.431
Cộng	2.614.224.040	2.614.224.040	2.697.021.618	2.697.021.618

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
BHXH, BHYT, BHTN	3.355.545	32.271.500
Quỹ phòng chống thiên tai	500.000.000	400.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	47.549.000	47.549.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	55.774.145
Cộng	550.904.545	535.594.645

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng biến động tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2021	500.000.000.000	22.883.498.026	33.832.893.786	556.716.391.812
Lỗi trong năm	-	-	(7.958.700.884)	(7.958.700.884)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(47.098.129)	(47.098.129)
Tại ngày 01/01/2022	500.000.000.000	22.883.498.026	25.827.094.773	548.710.592.799
Lãi trong năm	-	-	15.904.084.517	15.904.084.517
Tại ngày 31/12/2022	500.000.000.000	22.883.498.026	41.731.179.290	564.614.677.316

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu:

	31/12/2022		01/01/2022	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP	338.188.000.000	67,64%	338.188.000.000	67,64%
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương	52.000.000.000	10,40%	52.000.000.000	10,40%
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	40.000.000.000	8,00%	40.000.000.000	8,00%
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	11.000.000.000	2,20%	11.000.000.000	2,20%
Các cổ đông khác	58.812.000.000	11,76%	58.812.000.000	11,76%
Cộng	500.000.000.000	100%	500.000.000.000	100%

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	500.000.000.000	500.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	500.000.000.000	500.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

Cổ phiếu:

	31/12/2022	01/01/2022
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	50.000.000	50.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	50.000.000	50.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	50.000.000	50.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	50.000.000	50.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	50.000.000	50.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

18. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2022	01/01/2022
Ngoại tệ (EUR)	50	50
Hàng hóa, vật tư nhận giữ hộ		
- DO sản phẩm đáý (lit15)	800.472	273.458
- Sản phẩm đáý (LD) (lit15)	554.302	324.869
- Phụ gia CN120 (lit thực tế)	950.205	450.052
- Condensate Dinh cổ (LD) (lit15)	-	4.120.892
- Condensate Dinh cổ (CT-LD) (lit15)	5.299.428	5.636.623
- Naptha (lit15)	3.949.649	494.798
- Naptha (LD) (lit15)	2.718.915	-
- Xăng Ron 95 (lit15)	-	31.444

19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu gia công hàng hóa	89.432.227.760	25.874.508.240
Doanh thu cho thuê kho, bảo quản, bơm rót	1.391.113.436	6.293.975.656
Doanh thu dịch vụ khác	441.328.575	389.040.000
Cộng	91.264.669.771	32.557.523.896

Doanh thu với các bên liên quan

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần	89.720.714.307	28.435.351.701
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	1.001.000.000	1.201.200.000
Chi nhánh Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Xí nghiệp Tổng kho Xăng dầu Miền Đông	365.250.000	278.350.000
Chi nhánh Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Xí nghiệp Tổng kho Xăng dầu Nhà Bè	56.845.000	48.440.000
Công ty Cổ phần Xăng Dầu khí Vũng Tàu	10.533.825	20.600.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Tây Ninh	4.000.000	-
Công ty Cổ phần Dầu nhờn PVOIL	3.538.607	-
Công ty Cổ phần Lọc hóa Dầu Bình Sơn	-	2.303.998.491

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CHẾ BIẾN DẦU KHÍ PHÚ MỸ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Giá vốn gia công hàng hóa	69.041.702.518	42.363.932.888
Giá vốn cho thuê kho, bảo quản, bơm rót	1.068.666.290	1.348.258.297
Cộng	70.110.368.808	43.712.191.185

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi	3.849.024.315	3.279.967.103
Lãi bán hàng trả chậm	19.258.294.318	15.988.577.225
Cộng	23.107.318.633	19.268.544.328

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	16.248.037.855	10.485.467.614
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.040.470.065	121.296.601
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.216.973	8.653.848
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí khác	8.958.435.987	5.607.291.737
Cộng	26.265.160.880	16.225.709.800
Trong đó:		
<i>Thù lao Ban kiểm soát</i>	<i>24.000.000</i>	<i>24.000.000</i>

23. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	169.015.272
Các khoản khác	7.258.972	7.804.766
Cộng	7.258.972	176.820.038

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.100.553.073	155.838.742
Chi phí nhân công	33.039.299.887	22.971.559.410
Chi phí khấu hao tài sản cố định	17.447.367.360	18.482.134.792
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.467.088.688	1.931.260.043
Chi phí khác	38.321.220.680	16.397.107.998
Cộng	96.375.529.688	59.937.900.985

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	17.989.825.510	(7.958.700.884)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	193.892.178	203.688.161
Thu nhập chịu thuế	18.183.717.688	(7.755.012.723)
Lỗ kết chuyển	(7.755.012.723)	-
Thu nhập tính thuế	10.428.704.965	(7.755.012.723)
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.085.740.993	-

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	17.989.825.510	(7.958.700.884)
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	17.989.825.510	(7.958.700.884)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	50.000.000	50.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	360	(159)

27. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan của Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối liên hệ
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP (PVOIL)	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông	Công ty con của PVOIL
Công ty Cổ phần Xăng dầu Vũng Áng	Công ty con của PVOIL
Công ty Cổ phần Dầu nhờn PV Oil	Công ty con của PVOIL
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Trà Vinh	Công ty con của PVOIL
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bạc Liêu	Công ty con của PVOIL
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận	Công ty con của PVOIL
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa	Công ty con của PVOIL
Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư	Công ty con của PVOIL
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	Công ty con của PVOIL
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	Công ty con của PVOIL
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	Công ty con của PVOIL
Công ty TNHH MTV Kinh doanh dầu nội địa PVOil Lào	Công ty con của PVOIL
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Lào	Công ty con của PVOIL
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	Công ty con của PVOIL
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Thái Bình	Công ty con của PVOIL
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định	Công ty con của PVOIL
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Tây Ninh	Công ty con của PVOIL
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Cái Lân	Công ty con của PVOIL
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên	Công ty con của PVOIL
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Thọ	Công ty con của PVOIL
Công ty TNHH MTV Kinh doanh dầu Quốc tế Singapore	Công ty con của PVOIL
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PV Oil Miền Trung	Công ty con của PVOIL
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hải Phòng	Công ty con của PVOIL

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CHẾ BIẾN DẦU KHÍ PHÚ MỸ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam
 Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức
 Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Campuchia
 Và các đơn vị thuộc Tập đoàn dầu khí Việt Nam

Công ty con của PVOIL
 Công ty con của PVOIL
 Công ty con của PVOIL

Ngoài các giao dịch và số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của Báo cáo tài chính này, trong năm Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	VND	VND
Mua hàng		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần	5.863.752.046	28.367.564
Chi nhánh Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP - Xí nghiệp tổng kho xăng dầu Đình Vũ	75.150.000	24.580.000
Công ty Cổ phần Xăng Dầu khí Vũng Tàu	2.086.324.176	889.902.166
Công ty Chế biến khí Vũng Tàu	3.013.076.833	1.384.284.853
Công ty Bảo hiểm PVI Vũng Tàu	1.571.968.784	1.987.352.755
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	282.456.597	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	127.193.600	136.257.725
Liên doanh Việt - Nga Vietsovetro	119.690.000	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu khí Vũng Áng	47.814.000	563.454.050
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí - Chi nhánh Vũng Tàu	30.000.000	-
Chi nhánh Viện dầu khí Việt Nam tại Hà Nội	15.000.000	-
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Biển PVD	9.981.060	337.629.928
Lãi bán hàng trả chậm		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần	19.258.294.318	15.988.577.225

Thu nhập Hội đồng quản trị và Ban giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
		VND	VND
Ông Ngô Đức Dũng	Quyền điều hành HĐQT	60.000.000	60.000.000
Ông Nguyễn Hải Nam	Thành viên HĐQT	48.000.000	48.000.000
Bà Đào Hồng Ngọc	Thành viên HĐQT	48.000.000	48.000.000
Ông Nguyễn Kim Ngọc	Giám đốc	769.332.259	612.675.237
	Thành viên HĐQT		
Ông Trần Đình Tuyên	Phó Giám đốc	560.646.394	369.661.433
Ông Lương Trung Kiên	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm từ 05/02/2021)	-	65.384.448
Cộng		<u>1.485.978.653</u>	<u>1.203.721.118</u>

28. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022.

29. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán.

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 08 tháng 02 năm 2023

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Hoàng Thị Thu

Lương Trung Kiên

Nguyễn Kim Ngọc

Số: 16 /TTr-DKPM-HĐQT

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 01 tháng 5 năm 2023

TỜ TRÌNH

Về việc bầu thay thế thành viên Ban kiểm soát

Kính gửi: Đại Hội đồng cổ đông

Công ty cổ phần Sản xuất và Chế biến dầu khí Phú Mỹ

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội ban hành ngày 17/06/2020, có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Sản xuất và Chế biến dầu khí Phú Mỹ (PVOIL Phú Mỹ) ban hành kèm theo Nghị quyết số 59/NQ-DKPM- ĐHĐCĐ ngày 17/12/2018 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Sản xuất và Chế biến dầu khí Phú Mỹ;

Căn cứ đơn từ nhiệm chức danh kiểm soát viên của Bà Hoàng Thị Thu – Kiểm soát viên gửi Công ty ngày 22/02/2023;

Căn cứ Biên bản số 07/DKPM-BKS ngày 23/02/2023 của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Sản xuất và Chế biến dầu khí Phú Mỹ về việc thông qua đơn xin từ nhiệm chức danh Kiểm soát viên của Bà Hoàng Thị Thu ngày 22/02/2023;

Căn cứ Nghị quyết họp HĐQT quý IV/2022 số 21/NQ-DKPM-HĐQT ngày 22/02/2023;

Căn cứ Công văn số 102/DKPM-HĐQT ngày 01/3/2023 về việc giới thiệu nhân sự thay thế thành viên BKS của Công ty cổ phần Sản xuất và Chế biến dầu khí Phú Mỹ;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sản xuất và Chế biến dầu khí Phú Mỹ kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc miễn nhiệm Bà Hoàng Thị Thu – Thành viên Ban kiểm soát hiện tại theo đơn từ nhiệm ngày 22/02/2023.

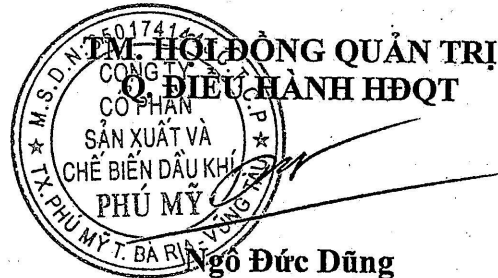
Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sản xuất và Chế biến dầu khí Phú Mỹ kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, bầu nhân sự Kiểm soát viên thay thế như sau:

- Bà ĐINH THỊ THANH MAI Ngày sinh: 21/11/1979
- Số CCCD: 038179024879 Cấp ngày: 25/5/2022
- Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp Xóm Gốc, xã Long An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai
- Chỗ ở hiện tại: Ấp Xóm Gốc, xã Long An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân – Quản lý Công nghiệp

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua để tiến hành bầu tại đại hội.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cổ đông của PVOIL Phú Mỹ;
- Lưu: VT, HĐQT, TTH (02b).



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Thông tin cá nhân

Họ và tên: ĐINH THỊ THANH MAI

Ngày sinh: 21/11/1979

Số CCCD: 038179024879

cấp ngày 25/5/2022

Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp Xóm Góc, xã Long An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

Chỗ ở hiện tại: Ấp Xóm Góc, xã Long An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

Trình độ chuyên môn: Cử nhân – Quản lý Công nghiệp

2. Quá trình học tập

Tên trường	Chuyên ngành đào tạo, bồi dưỡng	Từ tháng, năm - đến tháng, năm	Hình thức đào tạo	Văn bằng
Đại học Bách Khoa TP.HCM	Quản lý Công nghiệp	Tháng 9/1998 – Tháng 3/2003	Chính quy	Cử nhân

3. Tóm tắt quá trình công tác

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
04/2003-08/2006	Chuyên viên – Công ty Lắp máy và Xây dựng 45-1
08/2006-12/2007	Chuyên viên – Công ty Poslilama
Từ 01/2008-12/2010	Chuyên viên – Nhà máy Chế biến Condensate
Từ 1/2011-12/2011	Chuyên viên – Công ty cổ phần Sản xuất và Chế biến dầu khí Phú Mỹ
Từ 01/2012 đến nay	Phó phòng Kinh tế-Kế hoạch – Công ty cổ phần Sản xuất và Chế biến dầu khí Phú Mỹ

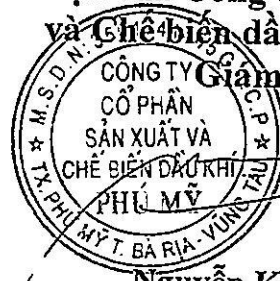
Tôi cam kết về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân trong bản sơ yếu lý lịch này.

Người khai

Đinh Thị Thanh Mai

Bà. Đinh Thị Thanh Mai ngày 01 tháng 3 năm 2023

Xác nhận của Công ty cổ phần Sản xuất và Chế biến dầu khí Phú Mỹ



Nguyễn Kim Ngọc